

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI KÌ I GDCD LỚP 12

Năm học: 2023-2024

Họ tên hs:Lớp 12/...

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I

MÔN: GDCD LỚP 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng			% tổng điểm			
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số CH		Thời gian (phút)				
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL					
1	Pháp luật và đời sống	1. Pháp luật và đời sống	2	1.5	2	2.5	1	10	1	8	4		4	10			
2	Thực hiện pháp luật	2. Thực hiện pháp luật	4	3	4	5					8		8		18	20	
3	Chủ đề : Công dân bình đẳng trước pháp luật	3. Công dân bình đẳng trước pháp luật	6	4.5	4	5					10		10		1	17.5	35
4	Quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo	4. Quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo	4	3	2	2.5					10		8		6	1	15.5 5.5
Tổng			16	12	12	15	1	10	1	8	28	2	45	100			
Tỉ lệ (%)			40		30		20		10								
Tỉ lệ chung (%)			70				30				30		45	100			

Lưu ý:

- Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết và thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng.
- Các câu hỏi ở cấp độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận.
- Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,25 điểm/câu; số điểm của câu tự luận được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận.
- Trong nội dung kiến thức (1) (2) (3) (4) chỉ được chọn một câu mức độ vận dụng và một câu mức độ vận dụng cao ở một hoặc hai trong 4 nội dung đó.

Phần 1: Sơ đồ lí thuyết cơ bản

Bài 1: PHÁP LUẬT VÀ ĐỜI SỐNG

**PHÁP
LUẬT
VÀ
ĐỜI
SỐNG**

Khái niệm: Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự chung do nhà nước ban hành và được **đảm bảo thực hiện bằng quyền lực nhà nước.**

tính quy phạm phổ biến: quy tắc xử sự chung, khuôn mẫu chung, được áp dụng nhiều nơi, nhiều lần, cho nhiều người, nhiều lĩnh vực. (phân biệt với các quy phạm xã hội)

tính quyền lực bắt buộc chung: mang tính bắt buộc cho tất cả mọi người được đảm bảo bằng sức mạnh của nhà nước. (phân biệt PL&ĐĐ)

Đặc trưng → **tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức:** các văn bản luật có sự chính xác, dễ hiểu, một nghĩa. Phù hợp với Hiến pháp và thể hiện tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

Bản chất

→ **giai cấp:** nhà nước ban hành phù hợp với ý chí của giai cấp cầm quyền mà nhà nước là đại diện.

→ **xã hội:** bắt nguồn từ xã hội, do các thành viên của xã hội thực hiện, vì sự phát triển của xã hội.

→ **Mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật:** hình thành trên quan niệm về sự công bằng nghĩa vụ, lương tâm. Pháp luật là phương tiện đặc thù để thể hiện và bảo vệ các giá trị đạo đức. (Phạm vi đạo đức rộng hơn pl)

Vai trò

→ **Nhà nước:** Pháp luật là phương tiện để nhà nước quản lí xã hội dân chủ & hiệu quả nhất. Vì pháp luật mang tính quyền lực và bắt buộc chung.

→ **Công dân:** Pháp luật là phương tiện để công dân thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

BÀI 3: CÔNG DÂN BÌNH ĐẲNG TRƯỚC PHÁP LUẬT.

**CÔNG
DÂN
BÌNH
ĐẲNG
TRƯỚC
PHÁP
LUẬT**

Khái niệm: mọi công dân nam, nữ thuộc các dân tộc, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội khác nhau đều **không bị phân biệt đối xử trong việc hưởng quyền, thực hiện nghĩa vụ và chịu trách nhiệm pháp lí** theo quy định của pháp luật. (Điều 6, Hiến pháp 2013)

Bình đẳng về quyền và nghĩa vụ là bình đẳng về hưởng quyền và làm nghĩa vụ trước Nhà nước và pháp luật. Quyền không tách rời nghĩa vụ.

(mức độ sử dụng các quyền và thực hiện nghĩa vụ phụ thuộc vào khả năng, điều kiện, hoàn cảnh)

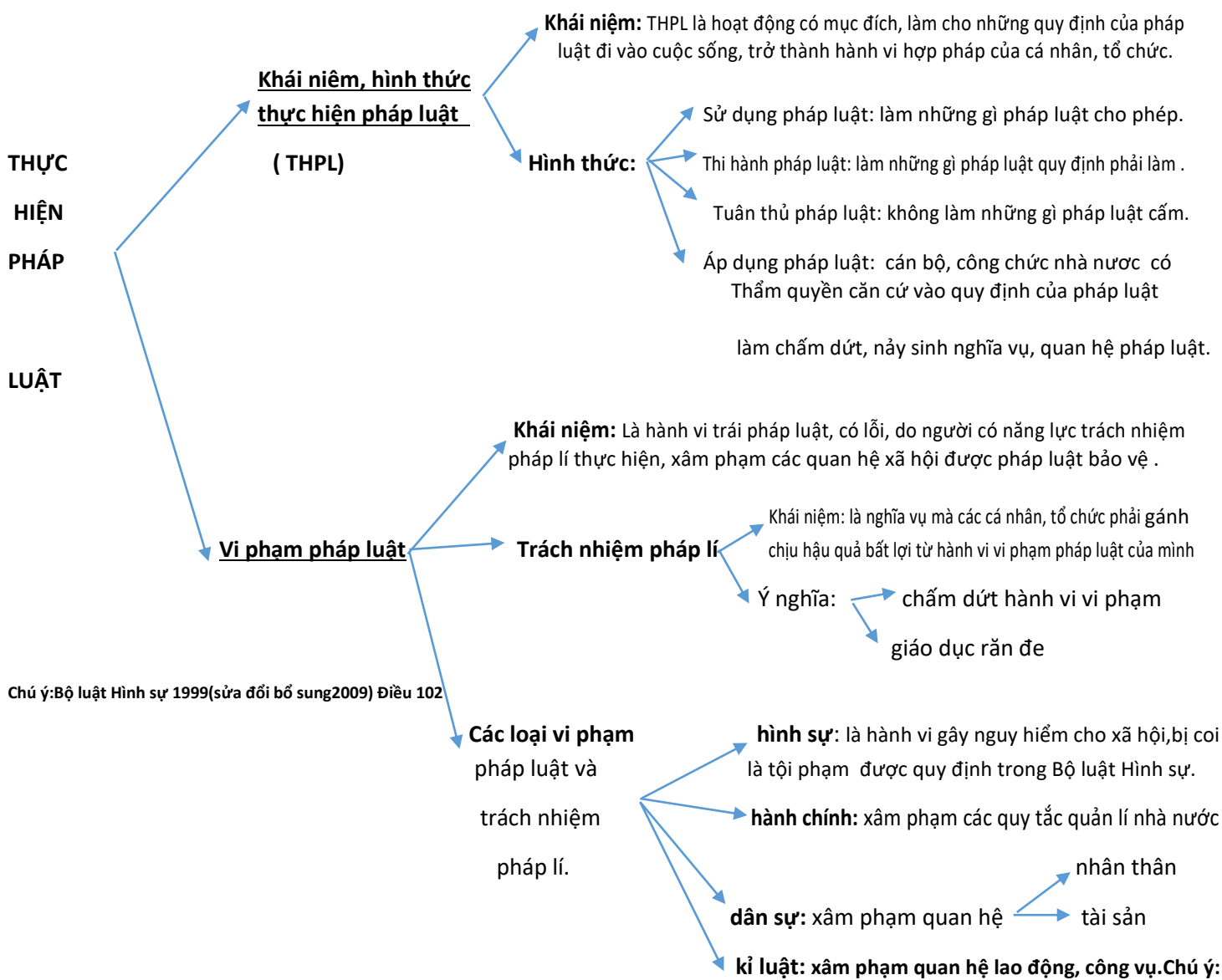
Mọi công dân đều bình đẳng trong hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ.

Quyền và nghĩa vụ của công dân không bị phân biệt bởi dân tộc, tôn giáo, thành phần địa vị xã hội, giới tính.

Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lí: bất kì công dân nào vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của mình và bị xử lí theo quy định của pháp luật.

(Khi công dân vi phạm PL với tính chất và mức độ như nhau, trong một hoàn cảnh như nhau thì phải chịu trách nhiệm pháp lí như nhau)

BÀI 2: THỰC HIỆN PHÁP LUẬT



Chú ý: Bộ luật Hình sự 1999 (sửa đổi bổ sung 2009) Điều 102

1. Người đủ 14 đến dưới 16 phải chịu trách nhiệm hình sự về tội rất nghiêm trọng, rất nghiêm trọng do cố ý hoặc đặc biệt nghiêm trọng.
2. Người đủ 16 phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm.
3. Đủ 14 đến dưới 18 áp dụng hình phạt giáo dục là chính. Dưới 18 tuổi không áp dụng hình phạt chung thân và tử hình.
4. Người đủ 14 đến dưới 16 phải chịu trách nhiệm hành chính do cố ý, đủ 16 chịu trách nhiệm về mọi vi phạm hành chính.
5. Đủ 6 tuổi đến dưới 18 tuổi khi giao dịch dân sự phải có người đại diện.
6. Hành vi trái pháp luật là làm những việc không được pháp luật cho phép.
7. Năng lực trách nhiệm pháp lí là đạt đến độ tuổi theo quy định của pháp luật, có thể nhận thức và điều khiển được hành vi của mình.
8. Lỗi là biết hành vi là sai, trái pháp luật có thể gây hậu quả nhưng vẫn cố tình hoặc vô tình làm.
9. Áp dụng pháp luật chỉ có cán bộ công chức có thẩm quyền mới thực hiện. Còn các hình thức khác dùng cho tất cả mọi công dân.

Bài 4: QUYỀN BÌNH ĐẲNG CỦA CÔNG DÂN TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC CỦA ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

BÌNH ĐẲNG TRONG HÔN NHÂN GIA ĐÌNH

Khái niệm: là bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ giữa vợ, chồng và các thành viên trong gia đình trên cơ sở nguyên tắc **dân chủ, công bằng, tôn trọng** lẫn nhau, không phân biệt đối xử trong các mối quan hệ ở phạm vi gia đình và xã hội.

Nội dung

Vợ chồng bình đẳng với nhau, có nghĩa vụ và quyền ngang nhau về mọi mặt trong gia đình

nhân thân: bình đẳng trong

- lựa chọn nơi cư trú.
- giữ gìn danh dự
- tín ngưỡng, tôn giáo
- giúp đỡ, tạo đk cho

tài sản: có quyền ngang

nhau với tài sản chung
vợ chồng có quyền có tài sản riêng.

- chiếm hữu
- sử dụng
- định đoạt

Cha mẹ và con
cha mẹ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau với con.

- nuôi dưỡng, chăm sóc, tạo điều kiện cho con phát triển, tôn trọng ý kiến của con
- không được phân biệt con trai, gái, đẻ, nuôi
- con phải kính trọng, yêu thương cha mẹ

Ông bà và cháu: Ông bà chăm sóc, dạy dỗ cháu. Các cháu yêu thương, kính trọng ông bà.

Anh chị em: Yêu thương, giúp đỡ nhau.

BÌNH ĐẲNG TRONG LAO ĐỘNG

Khái niệm: bình đẳng giữa mọi công dân trong **thực hiện quyền lao động thông qua tìm việc làm**, bình đẳng giữa **người lao động và người sử dụng lao động thông qua hợp đồng lao động**, giữa **lao động nam và lao động nữ** trong từng cơ quan, doanh nghiệp và trong phạm vi cả nước.

Nội dung:

Bình đẳng trong **thực hiện quyền lao động**. Được tự do sử dụng sức lao động, tìm kiếm, lựa chọn việc làm, không bị phân biệt đối xử về giới tính, dân tộc, tôn giáo. Người lao động có trình độ cao được ưu tiên.

Bình đẳng trong **giao kết hợp đồng lao động**.

Khái niệm: Hợp đồng lao động là thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc làm có trả công, điều kiện công việc, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên.

Nguyên tắc: tự do, tự nguyện, bình đẳng, không trái pháp luật và thỏa ước lao động tập thể. Kí kết trực tiếp giữa người sử dụng lao động và người lao động.

Bình đẳng giữa **lao động nam và nữ**: bình đẳng về cơ hội tiếp cận việc làm, tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng. Được đối xử bình đẳng về việc làm, chế độ bảo hiểm, tiền lương... Lao động nữ được ưu tiên không làm việc nặng nhọc, độc hại.

BÌNH ĐẲNG TRONG KINH DOANH

Khái niệm: là mọi cá nhân, tổ chức khi tham gia vào các quan hệ kinh tế, từ việc lựa chọn ngành, nghề, địa điểm, hình thức kinh doanh đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong kinh doanh đều bình đẳng trước pháp luật.

Nội dung:

bình đẳng về thực hiện nghĩa vụ kinh doanh.(5)

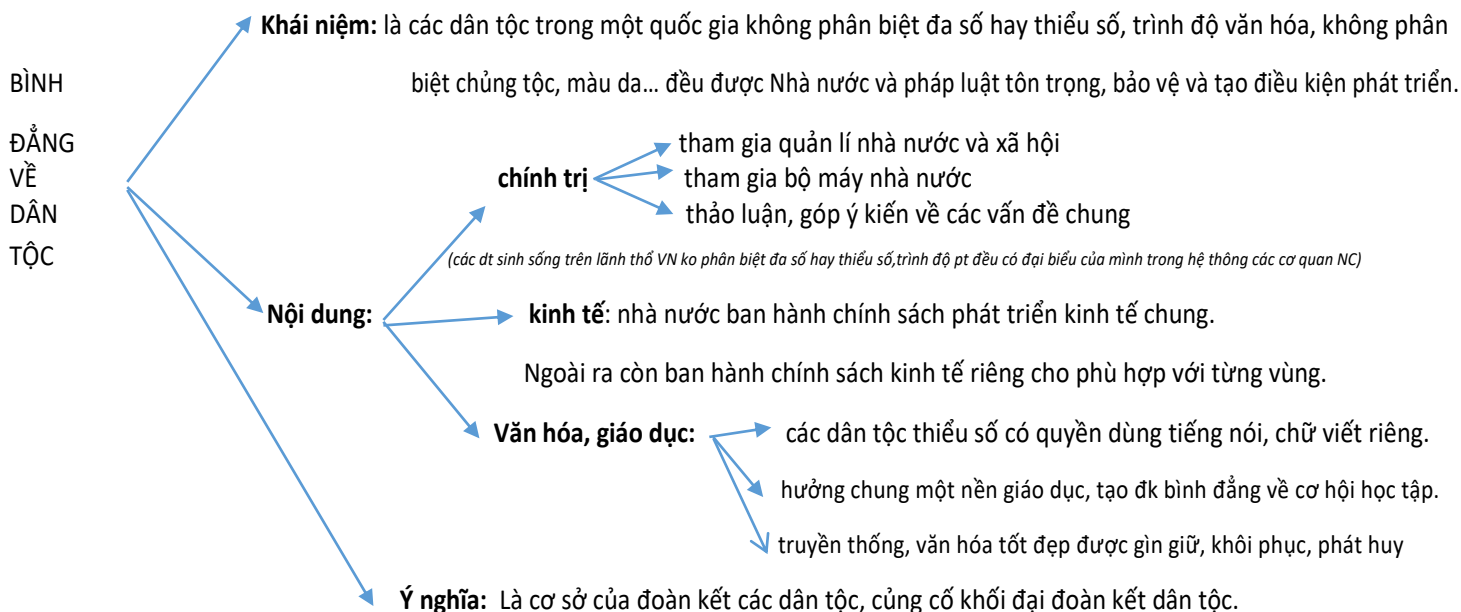
tự do lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh.(1)

tự chủ đăng kí kinh doanh trong những ngành nghề pháp luật không cấm (2) .

Bình đẳng khuyến khích phát triển lâu dài, hợp tác, cạnh tranh lành mạnh(3)

Chủ động mở rộng quy mô, ngành, nghề; tìm kiếm thị trường, khách hàng, kí kết hợp đồng(4)

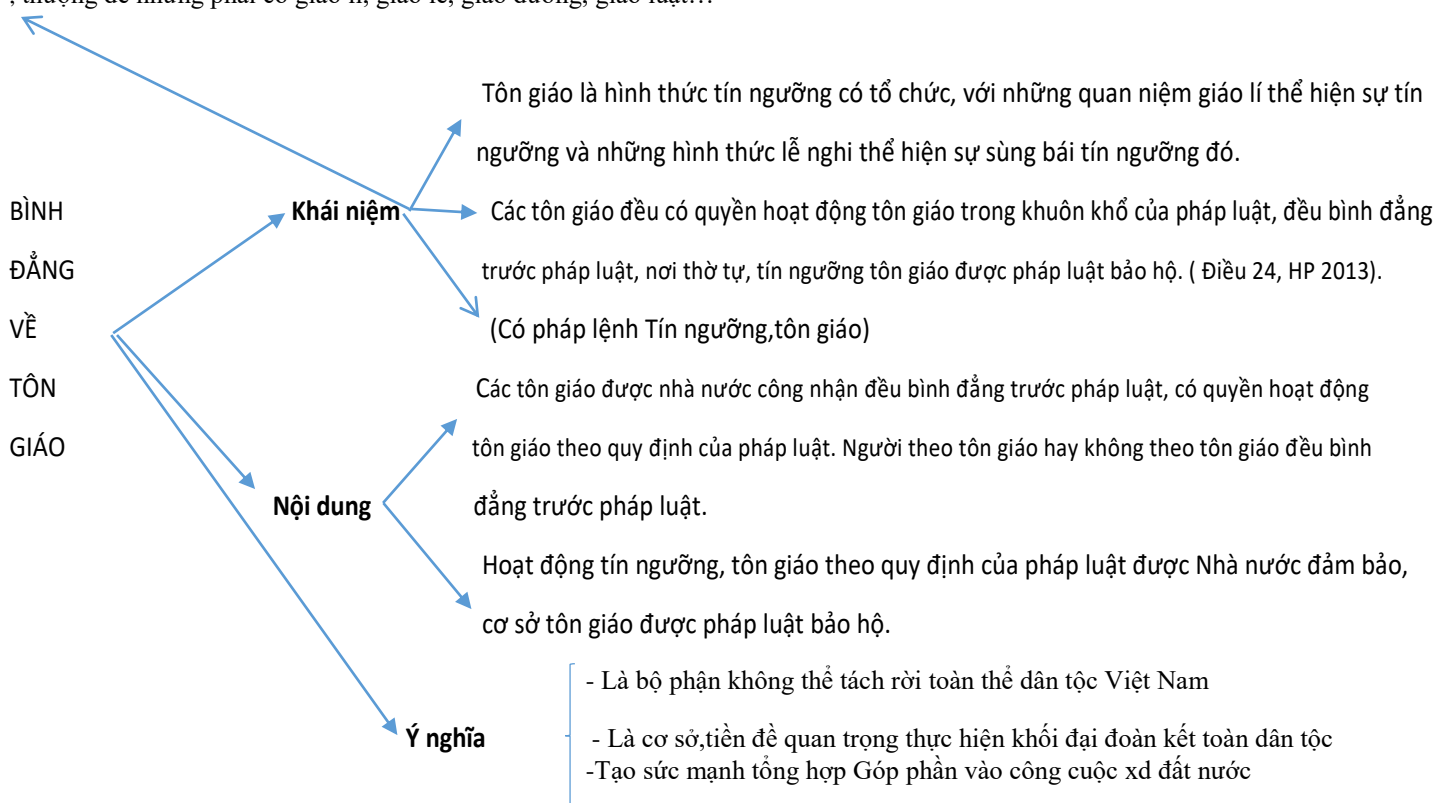
Bài 5: QUYỀN BÌNH ĐẲNG GIỮA CÁC DÂN TỘC - TÔN GIÁO



- So sánh TG với tín ngưỡng.

+ **Giống:** Đều là nhu cầu tinh thần của một bộ phận ND.

+ **Khác:** Tín ngưỡng là niềm tin tuyệt đối nhưng không chứng minh vào sự tồn tại thực tế. Còn TG là niềm tin tuyệt đối vào thần thánh, thượng đế nhưng phải có giáo lí, giáo lễ, giáo đường, giáo luật...



Phần 2: Câu hỏi trắc nghiệm

BÀI 1: PHÁP LUẬT VÀ ĐỜI SỐNG

Câu 1: Luật hôn nhân gia đình quy định điều kiện kết hôn giữa nam và nữ áp dụng cho tất cả mọi người, không có ngoại lệ phản ánh đặc trưng cơ bản nào của pháp luật?

- A. Tính xác định chặt chẽ về nội dung. B. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.
C. Tính quyền lực, bắt buộc chung. D. Tính quy phạm phổ biến.

Câu 2: Những quy tắc xử sự chung được áp dụng nhiều lần, ở nhiều nơi đối với tất cả mọi người là thể hiện đặc trưng nào dưới đây của pháp luật?

- A. Tính chặt chẽ về hình thức. B. Tính kỉ luật nghiêm minh.
C. Tính quy phạm phổ biến. D. Tính quyền lực, bắt buộc chung.

Câu 3: Những người có hành vi không đúng quy định của pháp luật sẽ bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để buộc họ phải tuân theo. Điều này thể hiện đặc trưng nào dưới đây của pháp luật?

- A. Tính quy phạm phổ biến. B. Tính quyền lực, bắt buộc chung.
C. Hiệu lực tuyệt đối. D. Khả năng đảm bảo thi hành cao.

Câu 4: Luật cơ bản của nhà nước, có hiệu lực pháp lý cao nhất là gì?

- A. Nghị định. B. Chỉ thị. C. Hiến pháp. D. Thông tư.

Câu 5: Pháp luật có vai trò như thế nào đối với công dân?

- A. Cưỡng chế mọi nghĩa vụ của công dân. B. Bảo vệ mọi nhu cầu, lợi ích của công dân.
C. Bảo vệ quyền, lợi ích tuyệt đối của công dân. D. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Câu 6: Phát biểu nào sau đây là **sai** khi nói về mối quan hệ giữa pháp luật với đạo đức?

- A. Pháp luật sẽ tác động tích cực hoặc tiêu cực tới các quy phạm đạo đức.
B. Khi đạo đức thành pháp luật sẽ được đảm bảo bằng sức mạnh của nhà nước.
C. Đạo đức là cơ sở duy nhất để pháp luật tồn tại, phát triển.
D. Pháp luật bảo vệ đạo đức và một số quy định bắt nguồn từ đạo đức.

Câu 7: Văn bản pháp luật phải chính xác, dễ hiểu để người dân bình thường cũng có thể hiểu được là đặc trưng nào sau đây của pháp luật?

- A. Tính quyền lực bắt buộc chung. B. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.
C. Tính quy phạm phổ biến. D. Tính cưỡng chế.

Câu 8: Những quy phạm đạo đức phù hợp với sự phát triển và tiến bộ xã hội được nhà nước đưa vào trong các quy phạm pháp luật là thể hiện mối quan hệ giữa pháp luật với

- A. đạo đức. B. chính trị. C. kinh tế. D. xã hội.

Câu 9: Phát biểu nào **sai** khi nói về pháp luật?

- A. Pháp luật do Quốc hội thông qua.
B. Pháp luật bảo đảm bằng sức mạnh quyền lực của Nhà nước.
C. Pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội thống nhất.
D. Pháp luật là phương tiện duy nhất để Nhà nước quản lý xã hội.

Câu 10: Đặc trưng nào của pháp luật là ranh giới để phân biệt pháp luật với các loại quy phạm xã hội khác?

- A. Tính quyền lực, bắt buộc chung. B. Tính quy phạm phổ biến.
C. Tính xác định chặt chẽ về hình thức. D. Tính xác định chặt chẽ về nội dung.

Câu 11: Căn cứ vào Luật Giao thông đường bộ, cảnh sát giao thông đã xử phạt những người vi phạm để đảm bảo trật tự an toàn giao thông. Trong những trường hợp này pháp luật đã thể hiện vai trò nào dưới đây?

- A. Là công cụ để bảo vệ trật tự an toàn giao thông.
B. Là phương tiện để nhà nước quản lí xã hội.
C. Là công cụ để nhân dân đấu tranh với người vi phạm.
D. Là phương tiện để nhà nước trừng trị kẻ phạm tội.

Câu 12: Dấu hiệu nào sau đây của pháp luật là một trong những đặc điểm để phân biệt pháp luật với đạo đức

- A. pháp luật không bắt buộc đối với trẻ em. B. pháp luật bắt buộc đối với cán bộ công chức.
C. pháp luật bắt buộc đối với người phạm tội. D. pháp luật bắt buộc đối với mọi cá nhân tổ chức.

Câu 13: Xét về mục đích thì cả pháp luật và đạo đức đều hướng tới những phẩm chất cao cả nhất của con người đó là

- A. công bằng, bình đẳng, tự do, nghĩa vụ. B. công bằng, bình đẳng, tự do, lẽ phải.
C. công bằng, bình đẳng, tự do, áp đặt. D. công bằng, bình đẳng, tự do, chuyên quyền.

Câu 14: Pháp luật do nhà nước ban hành và đảm bảo thực hiện bằng quyền lực của nhà nước là đặc trưng nào của pháp luật?

- A. tính xác định chặt chẽ về hình thức B. tính quy phạm phổ biến

C. tính quyền lực bắt buộc chung

D. tính cưỡng chế

Câu 15: Pháp luật là phương tiện để công dân thực hiện và bảo vệ

A. lợi ích kinh tế của mình.

B. quyền và nghĩa vụ của mình.

C. các quyền của mình.

D. quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Câu 16: Pháp luật mang bản chất xã hội vì pháp luật

A. đứng trên xã hội.

B. bắt nguồn từ thực tiễn của đời sống xã hội.

C. luôn tồn tại trong mọi xã hội.

D. phản ánh lợi ích của giai cấp cầm quyền

Câu 17: Pháp luật là phương tiện để công dân thực hiện và bảo vệ

A. các quyền của mình.

B. quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

C. lợi ích kinh tế của mình.

D. quyền và nghĩa vụ của mình.

Câu 18: Trên đường phố tất cả mọi người nghiêm chỉnh chấp hành quy định của luật giao thông đường bộ là phản ánh đặc trưng cơ bản nào của pháp luật?

A. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.

B. Tính quy phạm phổ biến.

C. Tính quyền lực, bắt buộc chung .

D. Tính xác định chặt chẽ về nội dung.

Câu 19: Hình thức thể hiện của pháp luật là các văn bản do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành là

A. vi phạm pháp luật.

B. quy phạm thông tư.

C. quy phạm chỉ thị.

D. quy phạm pháp luật.

Câu 20: Nội dung của văn bản luật cấp dưới không được trái với nội dung của văn bản luật cấp trên là thể hiện

A. tính bắt buộc chung.

B. quy phạm phổ biến.

C. tính xác định chặt chẽ về hình thức.

D. tính cưỡng chế.

BÀI 2: THỰC HIỆN PHÁP LUẬT

Câu 1: Phát hiện một cơ sở kinh doanh cung cấp thực phẩm không đảm bảo an toàn vệ sinh, T đã báo với cơ quan chức năng để kiểm tra và kịp thời ngăn chặn. T đã thực hiện hình thức

A. thi hành pháp luật

B. tuân thủ pháp luật.

C. áp dụng pháp luật.

D. sử dụng pháp luật.

Câu 2: Hình thức thực hiện pháp luật nào dưới đây có sự tham gia của cơ quan, công chức nhà nước có thẩm quyền?

A. Sử dụng pháp luật.

B. Tuân thủ pháp luật.

C. Áp dụng pháp luật.

D. Thi hành pháp luật.

Câu 3: Công dân tuân thủ pháp luật khi từ chối

A. sử dụng vũ khí trái phép.

B. nộp thuế đầy đủ theo quy định.

C. bảo vệ an ninh quốc gia.

D. thực hiện nghĩa vụ bầu cử.

Câu 4: Công dân thi hành pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

A. Thay đổi quyền nhân thân.

B. Bảo vệ Tổ quốc.

C. Bảo trợ người khuyết tật.

D. Hiến máu nhân đạo.

Câu 5: Người kinh doanh thực hiện nghĩa vụ nộp thuế là hình thức thực hiện pháp luật nào dưới đây?

A. Tuân thủ pháp luật.

B. Áp dụng pháp luật.

C. Sử dụng pháp luật.

D. Thi hành pháp luật.

Câu 6: Theo quy định của pháp luật, công dân **không** tuân thủ pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

A. Hợp tác để làm giả giấy khám bệnh.

B. Độc lập lựa chọn ứng cử viên.

C. Ủng hộ công tác phòng chống dịch.

D. Công khai danh tính người tố cáo.

Câu 7: Anh D là trưởng đoàn thanh tra liên ngành lập biên bản xử phạt và tịch thu toàn bộ số mỹ phẩm giả mà cơ sở T đã sản xuất. Anh D đã thực hiện pháp luật theo hình thức nào dưới đây?

A. Phổ biến pháp luật

B. Sử dụng pháp luật

C. Tuân thủ pháp luật

D. Áp dụng pháp luật

Câu 8: Cơ quan công chức nhà nước có thẩm quyền ra quyết định xử lý người vi phạm pháp luật là hình thức

A. áp dụng pháp luật.

B. sử dụng pháp luật.

C. tuân thủ pháp luật.

D. thi hành pháp luật.

Câu 9: Hình thức thực hiện pháp luật nào dưới đây có chủ thể thực hiện khác với các hình thức còn lại?

A. Áp dụng PL.

B. Sử dụng PL.

C. Thi hành PL.

D. Tuân thủ PL.

Câu 10: Bạn L viết bài chia sẻ về lí tưởng sống của thanh niên hiện nay để đăng lên trang Web của nhà trường. Bạn L đã thực hiện pháp luật theo hình thức nào sau đây?

A. Tuân thủ pháp luật.

B. Thi hành pháp luật.

C. Áp dụng pháp luật.

D. Sử dụng pháp luật.

Câu 11: Cá nhân, tổ chức sử dụng pháp luật tức là làm những gì mà pháp luật

A. cho phép làm.

B. quy định phải làm.

C. quy định cho làm.

D. không cho phép làm.

Câu 12: Mọi công dân đều có quyền tự do lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh tùy theo khả năng và sở thích của mình là thực hiện pháp luật theo hình thức nào?

A. Áp dụng pháp luật

B. Sử dụng pháp luật.

C. Phổ biến pháp luật.

D. Tuân thủ pháp luật.

Câu 13: Hình thức thực hiện nào của pháp luật quy định cá nhân, tổ chức chủ động thực hiện nghĩa vụ, không chủ động thực hiện cũng bị bắt buộc phải thực hiện?

A. Thi hành pháp luật. B. Sử dụng pháp luật. C. Tuân thủ pháp luật. D. Áp dụng pháp luật.

Câu 14: Các cá nhân, tổ chức thực hiện đầy đủ những nghĩa vụ, chủ động làm những gì mà pháp luật quy định phải làm là

A. áp dụng pháp luật B. tuân thủ pháp luật C. sử dụng pháp luật D. thi hành pháp luật

Câu 15: Chi cơ quan, công chức nhà nước có thẩm quyền mới được

A. thi hành pháp luật. B. áp dụng pháp luật. C. tuân thủ pháp luật. D. sử dụng pháp luật.

Câu 16: Ủy ban nhân dân xã X cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cho anh A và chị B là thực hiện pháp luật theo hình thức nào dưới đây?

A. Áp dụng pháp luật. B. Phổ biến pháp luật. C. Tuân thủ pháp luật. D. Giáo dục pháp luật

Câu 17: Công dân thi hành pháp luật khi

A. che giấu người nhập cảnh trái phép. B. đề nghị thay đổi nơi bỏ phiếu.
C. nộp thuế đầy đủ theo quy định. D. từ chối khai báo tạm trú theo quy định.

Câu 18: Theo quy định của pháp luật, công dân **không** thi hành pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

A. Giao nộp người nhập cảnh trái phép. B. Công khai danh tính người mắc bệnh.
C. Xả thải trực tiếp ra môi trường. D. Gửi đơn tố cáo hành vi vi phạm pháp luật.

Câu 19: Công chức nhà nước có thẩm quyền thực hiện hành vi nào sau đây là áp dụng pháp luật?

A. Xử phạt hành chính về thuế. B. Công bố quy hoạch đất đai.
C. Tiếp nhận đơn tố cáo. D. Niêm yết danh sách cử tri

Câu 20: Theo quy định của pháp luật, công dân **không** thi hành pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

A. Đi đăng kiểm đúng quy định. B. Đi đăng ký nghĩa vụ quân sự.
C. Tiến hành thủ tục đăng ký kinh doanh. D. Kinh doanh không đúng giấy phép.

Câu 21: Ông M gửi đơn tố cáo công ty V thường xuyên xả chất thải chưa qua xử lý ra môi trường. Ông M đã thực hiện pháp luật theo hình thức nào dưới đây?

A. Thi hành pháp luật. B. Áp dụng pháp luật. C. Tuân thủ pháp luật. D. Sử dụng pháp luật.

Câu 22: Theo quy định của pháp luật, công dân tuân thủ pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

A. Gửi đơn tố cáo nặc danh tới nhiều nơi. B. Gửi đơn khiếu nại tới cơ quan chức năng.
C. Công khai danh tính người mắc bệnh. D. Từ chối công khai danh tính người tố cáo.

Câu 23: Anh M và chị H đến Ủy ban nhân dân xã đăng ký kết hôn. Trong trường hợp này, anh chị đã thực hiện pháp luật theo hình thức nào dưới đây?

A. Sử dụng pháp luật. B. Áp dụng pháp luật. C. Thi hành pháp luật. D. Tuân thủ pháp luật.

Câu 24: Theo quy định của pháp luật, công dân **không** thi hành pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

A. Hoàn thiện hồ sơ đấu thầu. B. Nộp thuế đầy đủ theo quy định.
C. Từ chối kê khai thông tin dịch tễ. D. Giao nộp người nhập cảnh trái phép.

Câu 25: Thi hành pháp luật là các cá nhân, tổ chức chủ động làm những gì mà pháp luật

A. khuyến khích. B. cho phép làm. C. quy định phải làm. D. ép buộc tuân thủ.

Câu 26: Nam thanh niên đủ điều kiện theo quy định của pháp luật mà trốn nghĩa vụ quân sự là **không** thực hiện pháp luật theo hình thức nào dưới đây?

A. Sử dụng pháp luật B. Tuân thủ pháp luật. C. Thi hành pháp luật. D. Thực hiện quy chế.

Câu 27: Theo quy định của pháp luật, công dân sử dụng pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

A. Khai báo thông tin y tế. B. Đi đăng kiểm đúng quy định.
C. Sử dụng văn bằng giả. D. Đề nghị thay đổi nơi bầu cử.

Câu 28: Hành vi nào sau đây là **không** thi hành pháp luật?

A. Không dùng hóa chất làm tươi sống thực phẩm. B. Không phụng dưỡng cha mẹ già.
C. Không vượt đèn đỏ. D. Không sản xuất pháo trái phép.

Câu 29: Chị B tự nguyện dùng số tiền tiết kiệm của mình để hỗ trợ chi phí phẫu thuật cho trẻ em bị hở hàm ếch. Chị B đã thực hiện pháp luật theo hình thức nào sau đây?

A. Phổ biến pháp luật B. Thi hành pháp luật. C. Sử dụng pháp luật D. Áp dụng pháp luật

Câu 30: Quá trình hoạt động có mục đích làm cho những quy định của pháp luật đi vào cuộc sống, trở thành những hành vi hợp pháp của các cá nhân, tổ chức là

A. giáo dục pháp luật. B. thực hiện pháp luật. C. phổ biến pháp luật. D. tư vấn pháp luật.

Câu 31: Theo quy định của pháp luật, vi phạm hình sự là hành vi

A. nguy hiểm cho xã hội. B. ảnh hưởng quy tắc quản lí.
C. thay đổi quan hệ công vụ. D. tác động quan hệ nhân thân.

Câu 32: Vi phạm hành chính là hành vi vi phạm pháp luật có mức độ nguy hiểm thấp hơn tội phạm, xâm phạm các

A. quy tắc kỉ luật lao động. B. nguyên tắc quản lí hành chính.
C. quy tắc quản lí của nhà nước. D. quy tắc quản lí xã hội.

Câu 33: Người vi phạm pháp luật, gây thiệt hại về tài sản của người khác thì phải chịu trách nhiệm pháp luật nào dưới đây?

- A. Hành chính. B. Kỉ luật. C. Dân sự. D. Hình sự.

Câu 34: Theo quy định của pháp luật, người có đủ năng lực trách nhiệm pháp lí thực hiện hành vi nào sau đây phải chịu trách nhiệm hành chính?

- A. Nuôi gia súc gây mất vệ sinh chung. B. Tự ý thay đổi kết cấu nhà đang thuê.
C. Xóa bỏ dấu vết hiện trường gây án. D. Tự ý nghỉ việc.

Câu 35: Nhà máy A không xây dựng hệ thống xử lí chất thải khiến môi trường bị ô nhiễm nên bà con quanh vùng đã làm đơn phản ánh. Nhà máy A phải chịu trách nhiệm pháp lí nào dưới đây?

- A. Hòa giải. B. Hành chính. C. Hình sự. D. Đối chất.

Câu 36: Năng lực trách nhiệm pháp lí là khả năng của một người đã đạt tới một độ tuổi nhất định theo quy định của pháp luật, có thể

- A. có kiến thức về lĩnh vực mình làm. B. hiểu được hành vi của mình.
C. nhận thức và đồng ý với hành vi của mình D. nhận thức và điều khiển hành vi.

Câu 37: Vi phạm kỉ luật là hành vi vi phạm pháp luật xâm phạm các quan hệ lao động và

- A. công vụ nhà nước. B. trao đổi hàng hóa.
C. giao dịch dân sự. D. chuyển nhượng tài sản.

Câu 38: Người bị coi là tội phạm nếu

- A. vi phạm kỷ luật B. vi phạm dân sự C. vi phạm hình sự D. vi phạm hành chính

Câu 38: Ông A vận chuyển gia cầm nhiễm cúm, bị cơ quan có thẩm quyền phát hiện và buộc phải tiêu hủy hết số gia cầm bị bệnh này. Đây là biện pháp chế tài

- A. hình sự. B. hành chính. C. kỷ luật. D. dân sự.

Câu 39: Hành vi trái pháp luật, có lỗi, do người có năng lực trách nhiệm pháp lí thực hiện là biểu hiện của

- A. vi phạm dân sự. B. vi phạm hình sự. C. vi phạm pháp luật. D. vi phạm hành chính.

Câu 40: Hành vi gây nguy hiểm cho xã hội được quy định tại bộ luật hình sự là vi phạm

- A. dân sự. B. hình sự. C. kỷ luật. D. hành chính.

Câu 41: Người có năng lực trách nhiệm pháp lí phải chịu trách nhiệm hành chính khi thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Trì hoãn nộp thuế thu nhập. B. Tổ chức hội nghị khách hàng.
C. Hủy bỏ giao dịch dân sự. D. Từ chối nhận tài sản thừa kế.

Câu 42: Độ tuổi nào phạm tội được áp dụng nguyên tắc giáo dục là chủ yếu để họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội?

- A. Đủ 17 đến dưới 21 tuổi. B. Đủ 14 đến dưới 18 tuổi.
C. Đủ 18 đến dưới 22 tuổi. D. Đủ 15 đến dưới 19 tuổi.

Câu 43: Trách nhiệm pháp lí được áp dụng nhằm mục đích nào dưới đây?

- A. Cắt giảm nguồn vốn viện trợ. B. Ổn định ngân sách quốc gia.
C. Kiểm chế những việc làm trái pháp luật. D. Đồng loạt xử phạt mọi cơ sở tư nhân.

Câu 44: Theo quy định của pháp luật, người có đủ năng lực trách nhiệm pháp lí thực hiện hành vi nào sau đây phải chịu trách nhiệm hành chính?

- A. Khai thác tài nguyên trái phép. B. Sản xuất vũ khí quân dụng.
C. Tổ chức hội nghị khách hàng. D. Sử dụng pháo nổ trái phép.

Câu 45: Công dân đủ năng lực theo quy định của pháp luật phải chịu trách nhiệm pháp lí khi thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Tuyên truyền công tác xã hội. B. Đề xuất chuyển đổi ngành nghề.
C. Xâm phạm bí mật đời tư người khác. D. Chủ động thay đổi nơi cư trú.

Câu 46: Công chức, viên chức nhà nước thực hiện hành vi nào sau đây là vi phạm pháp luật kỉ luật?

- A. Thông báo lịch sản xuất vụ đông B. Tiếp nhận đơn tố cáo.
C. Tổ chức hội nghị hiệp thương. D. Đánh bạc cùng nhân viên cấp dưới.

Câu 47: Ông H đã không thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng kinh tế với một công ty. Hành vi của ông H vi phạm pháp luật

- A. dân sự. B. hành chính. C. hình sự. D. kỉ luật.

Câu 48: Theo quy định của pháp luật, người từ đủ 16 tuổi trở lên có hành vi xâm phạm các quy tắc quản lí nhà nước nhưng mức độ nguy hiểm cho xã hội thấp hơn tội phạm

- A. phải chịu trách nhiệm hành chính. B. cần bảo lưu quan điểm cá nhân.
C. phải chuyển quyền nhân thân. D. cần hủy bỏ mọi giao dịch dân sự.

Câu 49: Vi phạm dân sự là hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm tới các quan hệ

- A. nhân thân. B. gia đình. C. tình bạn. D. xã hội.

Câu 50: Vi phạm pháp luật là những hành vi trái pháp luật, có lỗi do người

A. có tri thức thực hiện.

B. có khả năng gánh chịu hậu quả thực hiện

C. có ý chí thực hiện.

D. có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện.

Câu 51: Hành vi vi phạm pháp luật xâm phạm các quan hệ lao động, công vụ nhà nước... do pháp luật lao động và pháp luật hành chính bảo vệ là loại vi phạm

A. hình sự.

B. kỉ luật.

C. dân sự.

D. hành chính.

Câu 52: Công dân vi phạm hành chính trong trường hợp nào dưới đây?

A. Nghỉ việc nhiều ngày không lí do.

B. Chạy xe vào đường cấm.

C. Đánh người gây thương tích

D. Giao hàng không đúng hợp đồng.

Câu 53: Theo quy định của pháp luật, người có đủ năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện hành vi nào sau đây phải chịu trách nhiệm dân sự ?

A. Thuê xe không trả đúng thời hạn.

B. Tài trợ hoạt động khủng bố

C. Tổ chức mua bán nội tạng người.

D. Sử dụng điện thoại khi lái xe.

Câu 54: Vi phạm pháp luật là những hành vi trái pháp luật..... do người có năng lực pháp lý thực hiện xâm hại đến các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ. Hãy điền từ còn thiếu vào chỗ trống.

A. có năng lực

B. có tri thức

C. có trách nhiệm

D. có lỗi

Câu 55: Vi phạm dân sự là những hành vi xâm phạm tới các

A. quan hệ tài sản và quan hệ gia đình.

B. quan hệ sở hữu và quan hệ gia đình.

C. quan hệ kinh tế và quan hệ tình cảm.

D. quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân.

Câu 56: Bất kì công dân nào khi vi phạm pháp luật đều phải gánh chịu hậu quả bất lợi từ hành vi của mình là thể hiện bình đẳng về

A. nghĩa vụ phát sinh.

B. trách nhiệm pháp lí.

C. trách nhiệm đạo đức.

D. nghĩa vụ công dân.

Câu 57: Theo quy định của pháp luật, bất kì công dân nào vi phạm nguyên tắc bầu cử đều phải

A. bổ sung phiếu bầu.

B. chịu trách nhiệm pháp lí.

C. thay đổi hệ tư tưởng,

D. công khai xin lỗi.

Câu 58: Khi vi phạm, chủ thể vi phạm sẽ bị khiển trách, cảnh cáo, chuyển công tác khác, cách chức, hạ bậc lương hoặc đuổi việc là vi phạm

A. hành chính.

B. hình sự.

C. dân sự.

D. kỉ luật.

Câu 59: Công dân có hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm tới các quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản thuộc loại vi phạm nào sau đây?

A. Vi phạm quy chế

B. Vi phạm hành chính

C. Vi phạm công vụ

D. Vi phạm dân sự

Câu 60: Anh B (16 tuổi), vận chuyên 1kg heroin thì bị bắt. Anh B sẽ phải chịu trách nhiệm

A. hành chính.

B. kỉ luật.

C. hình sự.

D. dân sự.

BÀI 3: CÔNG DÂN BÌNH ĐẲNG TRƯỚC PHÁP LUẬT.

Câu 1. Bất kì công dân nào nếu có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật đều được hưởng các quyền công dân là

A. công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ

B. công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lí.

C. công dân bình đẳng về kinh tế.

D. công dân bình đẳng về chính trị.

Câu 2. Công dân dù làm việc gì, khi vi phạm pháp luật đều bị xử lí theo quy định là

A. công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ.

B. công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lí.

C. công dân bình đẳng về kinh tế.

D. công dân bình đẳng về chính trị.

Câu 3. Mọi công dân, nam, nữ thuộc các dân tộc, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội khác nhau đều không bị phân biệt đối xử trong hưởng quyền, thực hiện nghĩa vụ của mình là

A. bình đẳng về quyền và nghĩa vụ.

B. bình đẳng về trách nhiệm pháp lí.

C. bình đẳng về kinh tế.

D. bình đẳng về chính trị.

Câu 4. Quyền và nghĩa vụ của công dân không bị phân biệt bởi

A. dân tộc, giới tính, tôn giáo.

B. thu nhập, tuổi tác, địa vị.

C. dân tộc, địa vị, giới tính, tôn giáo.

D. dân tộc, độ tuổi, giới tính.

Câu 5. Trong cùng một điều kiện như nhau, nhưng mức độ sử dụng quyền và nghĩa vụ của công dân phụ thuộc vào

A. khả năng và hoàn cảnh, trách nhiệm của mỗi người.

B. năng lực, điều kiện, nhu cầu của mỗi người.

C. khả năng, điều kiện, hoàn cảnh mỗi người.

D. điều kiện, khả năng, ý thức của mỗi người.

Câu 6. Công dân bình đẳng trước pháp luật là

A. công dân có quyền và nghĩa vụ như nhau nếu cùng giới tính, dân tộc, tôn giáo.

B. công dân có quyền và nghĩa vụ giống nhau tùy theo địa bàn sinh sống.

C. công dân nào vi phạm pháp luật chỉ bị xử lí trong cơ quan mà họ tham gia.

D. công dân không bị phân biệt đối xử trong việc hưởng quyền, thực hiện nghĩa vụ.

Câu 7. Bất kì công dân nào vi phạm pháp luật đều bị xử lí theo quy định của pháp luật là thể hiện công dân bình đẳng

A. về quyền và nghĩa vụ.

B. về trách nhiệm pháp lí.

C. về thực hiện pháp luật.

D. về trách nhiệm trước tòa án.

Câu 8. Khi công dân vi phạm pháp luật với tính chất và mức độ vi phạm như nhau, trong một hoàn cảnh như nhau thì đều phải chịu trách nhiệm pháp lí

A. như nhau.

B. ngang nhau.

C. bằng nhau.

D. có thể khác nhau.

Câu 9. Học tập là một trong những

A. nghĩa vụ của công dân.

B. quyền và nghĩa vụ của công dân.

C. trách nhiệm của công dân.

D. quyền và nghĩa vụ của công dân.

Câu 10. Tham gia quản lí Nhà nước và xã hội là một trong những

A. nghĩa vụ của công dân.

B. quyền của công dân.

C. trách nhiệm của công dân.

D. quyền và nghĩa vụ của công dân.

Câu 11. Hiến pháp của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định bảo vệ Tổ quốc là

A. nghĩa vụ của công dân.

B. quyền của công dân.

C. trách nhiệm của công dân.

D. quyền và nghĩa vụ của công dân.

Câu 12. Quyền và nghĩa vụ của công dân do

A. Hiến pháp quy định.

B. Luật quy định.

C. Luật công dân quy định.

D. Hiến pháp và luật quy định.

Câu 13. Công ty xuất nhập khẩu thủy hải sản X luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.

Công ty X đã thực hiện

A. nghĩa vụ của công dân.

B. quyền của công dân.

C. bốn phận của công dân.

D. quyền, nghĩa vụ của công dân.

Câu 14: Nội dung nào sau đây thể hiện quy định của pháp luật về sự bình đẳng của công dân trong việc thực hiện nghĩa vụ trước Nhà nước và xã hội?

A. Hỗ trợ người già neo đơn

B. Lựa chọn loại hình bảo hiểm

C. Từ bỏ quyền thừa kế tài sản

D. Tham gia bảo vệ Tổ quốc

Câu 15: Mọi công dân không bị phân biệt đối xử trong việc hưởng quyền, thực hiện nghĩa vụ và phải chịu trách nhiệm pháp lí là

A. thoả mãn tất cả nhu cầu.

B. ngang bằng về lợi nhuận.

C. đáp ứng mọi sở thích.

D. bình đẳng trước pháp luật.

Câu 16: Nội dung nào sau đây thể hiện quy định của pháp luật về sự bình đẳng của công dân trong việc thực hiện nghĩa vụ trước Nhà nước và pháp luật?

A. Tự chuyển quyền nhân thân.

B. Công khai gia phả dòng họ.

C. Nộp thuế theo luật định.

D. Chia sẻ bí quyết gia truyền.

Câu 17: Nội dung nào sau đây thể hiện quy định của pháp luật về sự bình đẳng của công dân trong việc thực hiện nghĩa vụ trước Nhà nước và xã hội ?

A. Tự chuyển quyền nhân thân

B. Nộp thuế theo quy định.

C. Chia sẻ bí quyết gia truyền.

D. Công khai gia phả dòng họ.

Câu 18: Mọi công dân không bị phân biệt đối xử trong việc hưởng quyền, thực hiện nghĩa vụ và chịu trách nhiệm pháp lí là

A. ngang bằng về lợi nhuận.

B. thoả mãn tất cả nhu cầu.

C. đáp ứng mọi sở thích.

D. bình đẳng trước pháp luật.

Câu 19: Theo quy định nội dung nào sau đây thể hiện sự bình đẳng của công dân trong việc thực hiện nghĩa vụ trước Nhà nước và xã hội?

A. bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

B. Chia sẻ bí quyết gia truyền.

C. Chủ động mở rộng quy mô ngành nghề.

D. dùng tiếng nói, chữ viết riêng.

Câu 20: Theo quy định của pháp luật, bình đẳng về trách nhiệm pháp lí có nghĩa là bất kì công dân nào vi phạm pháp luật đều

A. được giảm nhẹ hình phạt.

B. được đền bù thiệt hại.

C. bị xử lí nghiêm minh.

D. bị tước quyền con người.

Bài 4: QUYỀN BÌNH ĐẲNG CỦA CÔNG DÂN TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC CỦA ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

Câu 1: Một trong những nội dung của quyền bình đẳng trong hôn nhân và gia đình là vợ, chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc

- A. tôn trọng danh dự của nhau.
- B. áp đặt quan điểm cá nhân.
- C. che giấu hành vi bạo lực.
- D. chiếm hữu tài sản công cộng.

Câu 2: Một trong những nội dung của quyền bình đẳng trong hôn nhân và gia đình là vợ chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc

- A. áp đặt mọi quan điểm riêng.
- B. bài trừ quyền tự do tín ngưỡng.
- C. sở hữu tài sản chung.
- D. lựa chọn hành vi bạo lực.

Câu 3: Một trong những nội dung của quyền bình đẳng trong hôn nhân và gia đình là vợ, chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc

- A. bài trừ quyền tự do tín ngưỡng.
- B. che dấu hành vi bạo lực.
- C. kế hoạch hóa gia đình.
- D. ngăn cản mọi nghi lễ tôn giáo.

Câu 4: Một trong những nội dung của quyền bình đẳng trong hôn nhân và gia đình là vợ, chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc

- A. định đoạt tài sản công cộng.
- B. bài trừ quyền tự do tín ngưỡng
- C. cùng nhau sử dụng bạo lực.
- D. cùng nhau lựa chọn nơi cư trú.

Câu 5: Theo quy định của pháp luật, việc hai vợ, chồng cùng nhau sử dụng thời gian nghỉ để chăm sóc con cái là thể hiện nội dung quyền bình đẳng trong quan hệ

- A. định đoạt.
- B. nhân thân.
- C. đơn phương.
- D. ủy thác.

Câu 6: Theo quy định của pháp luật, việc người chồng tự ý chuyển nhượng ô tô thuộc sở hữu chung của vợ, chồng là vi phạm quyền bình đẳng trong lĩnh vực nào dưới đây?

- A. Đạo đức và ứng xử.
- B. Tài sản và lợi nhuận.
- C. Hôn nhân và gia đình.
- D. Gia đình và xã hội.

Câu 7: Vợ, chồng bình đẳng với nhau, có quyền và nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình được thể hiện qua quan hệ nào?

- A. Việc làm, thu nhập.
- B. Tài sản, nhân thân.
- C. Chức vụ, địa vị.
- D. Tài năng, trí tuệ.

Câu 8: Theo quy định của pháp luật, việc giao kết hợp đồng giữa người lao động và người sử dụng lao động phải tuân theo nguyên tắc nào sau đây?

- A. Đại diện.
- B. ủy nhiệm.
- C. Trung gian.
- D. Trực tiếp.

Câu 9: Theo quy định của pháp luật, để giao kết hợp đồng lao động các bên cần phải tuân thủ vào nguyên tắc nào?

- A. Tự do, tự nguyện, bình đẳng.
- B. Dân chủ, công bằng, văn minh.
- C. Tích cực, chủ động, hội nhập.
- D. Kỷ cương, tình thương, trách nhiệm.

Câu 10: Sự thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc làm có trả công, điều kiện lao động, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quan hệ lao động là đề cập đến nội dung của khái niệm nào dưới đây?

- A. Hợp đồng kinh doanh.
- B. Hợp đồng lao động.
- C. Hợp đồng kinh tế.
- D. Hợp đồng làm việc.

Câu 11: Trong quan hệ lao động, quyền bình đẳng của người sử dụng lao động và người lao động được thể hiện thông qua

- A. ý muốn của người lao động.
- B. hợp đồng dân sự.
- C. ý muốn của người sử dụng lao động.
- D. hợp đồng lao động.

Câu 12: Theo quy định của pháp luật, hợp đồng lao động được giao kết giữa người lao động và

- A. phòng thương binh xã hội.
- B. người sử dụng lao động.
- C. ủy ban nhân dân quận.
- D. Tòa án nhân dân.

Câu 13: Công dân đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được tự do tìm kiếm việc làm phù hợp với khả năng của mình là thực hiện quyền

- A. đầu tư.
- B. quản lí.
- C. lao động.
- D. phân phối.

Câu 14: Bình đẳng trong thực hiện quyền lao động được thể hiện thông qua

- A. tìm kiếm, lựa chọn việc làm.
- B. sử dụng lao động.
- C. thực hiện nghĩa vụ lao động.
- D. kí hợp đồng lao động.

Câu 15: Theo quy định của pháp luật, khi muốn đề nghị sửa đổi nội dung trong hợp đồng lao động, công dân cần căn cứ vào nguyên tắc nào dưới đây trong hợp đồng lao động ?

- A. Tự do thực hiện hợp đồng.
- B. Tự do ngôn luận.
- C. Tự do, tự nguyện, bình đẳng.
- D. Tự do, công bằng, dân chủ.

Câu 16: Theo quy định của pháp luật, quyền bình đẳng trong lao động **không** thể hiện ở việc công dân tự mình

A. đề xuất mức lương khởi điểm.

B. giao kết hợp đồng lao động.

C. làm trái thỏa ước lao động tập thể.

D. lựa chọn việc làm, nghề nghiệp phù hợp

Câu 17: Bất kỳ người nào đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đều được tìm việc làm phù hợp với khả năng của mình là thể hiện công dân bình đẳng trong

A. việc chia đều của cải xã hội.

B. thực hiện quan hệ giao tiếp.

C. việc san bằng thu nhập cá nhân.

D. thực hiện quyền lao động.

Câu 18: Bình đẳng trong thực hiện quyền lao động là mọi công dân đều được tự do

A. vị trí làm việc.

B. tìm việc làm.

C. thời gian làm việc.

D. mức lương.

Câu 19: Cùng làm việc một doanh nghiệp nhưng anh B có trình độ chuyên môn cao hơn nên được sắp xếp vào công việc với mức lương cao hơn C là biểu hiện bình đẳng nào dưới đây?

A. Bình đẳng trong hợp đồng lao động.

B. Bình đẳng trong sử dụng lao động.

C. Bình đẳng trong sử dụng nhân tài.

D. Bình đẳng thực hiện quyền lao động.

Câu 20: Theo qui định của pháp luật, lao động nữ được tạo điều kiện để thực hiện tốt chức năng làm mẹ là thể hiện nội dung quyền bình đẳng giữa

A. nhà đầu tư và đội ngũ nhân công.

B. lực lượng lao động và bên đại diện.

C. người sử dụng lao động và đối tác.

D. lao động nam và lao động nữ.

Câu 21: Theo quy định của pháp luật, việc giao kết hợp đồng lao động phải tuân theo nguyên tắc trực tiếp giữa người sử dụng lao động và

A. chính quyền sở tại.

B. văn phòng tư pháp.

C. người lao động.

D. cơ quan dân cử.

Câu 22: Theo quy định của pháp luật, công dân được tự do lựa chọn việc làm phù hợp với khả năng của mình là bình đẳng trong thực hiện

A. điều phối sản xuất.

B. quản lý nhân lực.

C. quyền lao động.

D. thu hút đầu tư.

Câu 23: Theo quy định của pháp luật, nội dung nào dưới đây **không** thuộc quyền bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ?

A. Phải đủ độ tuổi tuyển dụng.

B. Tham gia bảo hiểm xã hội.

C. Cơ hội tìm kiếm và tiếp cận việc làm.

D. Ủy quyền giao kết hợp đồng lao động.

Câu 24: Theo quy định của pháp luật, nguyên tắc nào dưới đây không áp dụng khi thực hiện giao kết hợp đồng lao động?

A. Bình đẳng.

B. Trực tiếp.

C. Tự nguyện.

D. Ủy quyền.

Câu 25: Quyền bình đẳng giữa người lao động và người sử dụng lao động được thể hiện thông qua

A. hợp đồng lao động.

B. dịch vụ truyền thông.

C. văn bản dự thảo.

D. thỏa thuận mua bán.

Câu 26: Theo quy định của pháp luật, việc giao kết hợp đồng lao động giữa người sử dụng lao động và người lao động **không** được thực hiện:

A. Theo nguyên tắc tự nguyện.

B. Bằng biện pháp cưỡng chế.

C. Bằng hình thức thỏa thuận trực tiếp.

D. Theo thỏa thuận lao động tập thể.

Câu 27: Khi giao kết hợp đồng lao động, người sử dụng lao động và người lao động phải tuân theo nguyên tắc nào dưới đây?

A. Ủy quyền.

B. Tự nguyện.

C. Gián tiếp.

D. Đại diện.

Câu 28: Để được kí hợp đồng lao động thì người lao động phải đủ bao nhiêu tuổi trở lên?

A. 15.

B. 16.

C. 17.

D. 18.

Câu 29: Văn bản luật có tính pháp lí cao nhất khẳng định quyền bình đẳng của công dân trong lao động là

A. Luật hình sự.

B. Luật lao động.

C. Luật dân sự

D. Luật doanh nghiệp.

Câu 30: Theo quy định của pháp luật, người sử dụng lao động ít nhất phải bao nhiêu tuổi?

A. Phải đủ 15 tuổi

B. Phải đủ 16 tuổi.

C. Phải đủ 17 tuổi.

D. Phải đủ 18 tuổi.

Câu 31: Trong quan hệ lao động cụ thể, cơ sở pháp lí để pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích của người lao động và người sử dụng lao động là gì?

A. Nội dung của hợp đồng lao động.

B. Mục đích kí kết hợp đồng lao động.

C. Tính chất của hợp đồng lao động.

D. Nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động.

Câu 32: Bình đẳng về cơ hội tiếp cận việc làm; tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng; tiền công, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội và các điều kiện lao động khác là nói về bình đẳng

A. trong giao kết hợp đồng lao động.

B. trong thực hiện quyền lao động.

C. giữa lao động nam và lao động nữ.

D. trong tự do lựa chọn việc làm.

Câu 33: Theo quy định của pháp luật, công dân được thực hiện quyền bình đẳng trong lao động khi

A. ấn định thời gian nộp thuế.

B. tham gia bảo hiểm nhân thọ.

C. tự do lựa chọn việc làm.

D. chia đều ngân sách nội bộ.

Câu 34: Theo quy định của pháp luật, Nhà nước áp dụng chế độ ưu đãi đối với

- A. cá nhân bị quản chế hành chính.
- B. người lao động có trình độ cao.
- C. mọi chủ thể đang giao dịch dân sự.
- D. đối tượng bị tạm giam để điều tra.

Câu 35: Người sử dụng lao động ưu tiên đối với người lao động có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, điều này thể hiện bình đẳng trong

- A. lao động nam và lao động nữ.
- B. thực hiện quyền lao động.
- C. giao dịch hợp đồng lao động.
- D. việc sử dụng người lao động.

Câu 36: Doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân đều được vay vốn để sản xuất kinh doanh. Trong trường hợp này, các doanh nghiệp trên được hưởng quyền nào dưới đây?

- A. Bình đẳng trong kinh doanh.
- B. Bình đẳng trong chính sách kinh tế.
- C. Bình đẳng trong tài chính.
- D. Bình đẳng trong hỗ trợ vay vốn.

Câu 37: Khi tiến hành hoạt động kinh doanh, mọi công dân phải thực hiện nghĩa vụ nào sau đây?

- A. Nộp thuế đầy đủ theo quy định.
- B. Cổ phần hóa tài sản doanh nghiệp.
- C. Lắp đặt hệ thống phần mềm quản lí.
- D. Thành lập quỹ bảo trợ xã hội.

Câu 38: Anh T nộp hồ sơ đăng kí và được cấp giấy phép mở đại lí phân phối xe mô tô. Anh T đã thực hiện nội dung nào dưới đây của quyền bình đẳng trong kinh doanh?

- A. Nâng cấp phương thức quản lí.
- B. Tích cực tuyển dụng chuyên gia.
- C. Lựa chọn hình thức kinh doanh.
- D. Chủ động mở rộng quy mô.

Câu 39: Theo quy định của pháp luật, mọi doanh nghiệp đều phải thực hiện nghĩa vụ

- A. kinh doanh đúng ngành nghề đăng ký.
- B. tham gia xây nhà tình nghĩa,
- C. nhập khẩu nguyên liệu tự nhiên,
- D. tuyển dụng chuyên gia cao cấp.

Câu 40: Sau khi tốt nghiệp đại học H, K, L đã cùng nhau góp vốn để mở công ty cổ phần. Việc làm của 3 người trên thể hiện nội dung nào về bình đẳng trong kinh doanh?

- A. Tự do mở rộng quy mô kinh doanh
- B. Tự do mở rộng ngành nghề kinh doanh.
- C. Tự chủ đăng ký kinh doanh
- D. Tự do lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh

Câu 41: Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện quyền bình đẳng trong kinh doanh của công dân?

- A. Chủ động mở rộng sản xuất.
- B. cấp vốn cho mọi doanh nghiệp.
- C. Khuyến khích phát triển lâu dài.
- D. Tích cực tìm kiếm khách hàng.

Câu 42: Chị H nộp hồ sơ đăng kí và được cấp giấy phép mở công ti may thời trang. Chị H đã thực hiện nội dung nào dưới đây của quyền bình đẳng trong kinh doanh?

- A. Chủ động tìm kiếm thị trường.
- B. Chủ động mở rộng quy mô.
- C. Nâng cao năng lực cạnh tranh.
- D. Lựa chọn hình thức kinh doanh.

Câu 43: Công ty của ông DL chuyên về sản xuất móc chìa khóa, hàng tháng ông chủ động nộp thuế theo quy định, điều này phản ánh nội dung nào của quyền bình đẳng trong kinh doanh ?

- A. Bình đẳng về hình thức kinh doanh.
- B. Bình đẳng về mở rộng quy mô.
- C. Bình đẳng về quyền tự chủ kinh doanh.
- D. Bình đẳng về nghĩa vụ trong kinh doanh.

Câu 44: Khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, mọi doanh nghiệp đều có quyền tự chủ đăng kí kinh doanh trong những ngành nghề

- A. phù hợp với nhu cầu
- B. do mình lựa chọn
- C. pháp luật không cấm
- D. mình có sở thích

Câu 45: Do làm ăn ngày càng có lãi, doanh nghiệp tư nhân X đã quyết định mở rộng thêm quy mô sản xuất. Doanh nghiệp X đã thực hiện quyền nào của mình dưới đây?

- A. Mở rộng quy mô kinh doanh.
- B. Quyền tự chủ đăng kí kinh doanh.
- C. Quyền kinh doanh đúng ngành nghề.
- D. Quyền định đoạt tài sản kinh doanh.

BÀI 5: QUYỀN BÌNH ĐẲNG GIỮA CÁC DÂN TỘC, TÔN GIÁO

Câu 1: Quyền bình đẳng giữa các dân tộc **không** bao gồm lĩnh vực nào dưới đây?

- A. Chính trị.
- B. Đầu tư, phát triển.
- C. Kinh tế.
- D. Văn hóa, xã hội.

Câu 2: Ông A là người dân tộc thiểu số, ông B là người Kinh. Đến ngày bầu cử đại biểu Quốc hội, cả hai ông đều đi bầu cử. Điều này thể hiện các dân tộc bình đẳng trong lĩnh vực nào?

- A. Kinh tế.
- B. Chính trị.
- C. Văn hóa.
- D. Giáo dục.

Câu 3: Nguyên tắc quan trọng hàng đầu trong hợp tác, giao lưu giữa các dân tộc ở nước ta là các dân tộc phải được đảm bảo quyền

- A. bình đẳng.
- B. tự do.
- C. và nghĩa vụ.
- D. phát triển.

Câu 4: Nhà nước có chính sách học bổng và ưu tiên con em đồng bào dân tộc thiểu số được tạo điều kiện nâng cao trình độ là góp phần thực quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong lĩnh vực

A. tự do tín ngưỡng. **B.** chính trị. **C.** kinh tế. **D.** văn hóa, giáo dục.

Câu 5: Các dân tộc đều được bình đẳng trong việc hưởng thụ một nền giáo dục, được tạo điều kiện để mọi dân tộc đều được bình đẳng về cơ hội học tập là thể hiện bình đẳng giữa các dân tộc về

A. kinh tế. **B.** văn hóa. **C.** chính trị. **D.** giáo dục.

Câu 6: Việc bảo đảm tỉ lệ thích hợp người dân tộc thiểu số trong các cơ quan quyền lực nhà nước thể hiện quyền bình đẳng

A. giữa các dân tộc. **B.** giữa các công dân. **C.** giữa các vùng, miền. **D.** giữa các đảng phái.

Câu 7: Nhà nước ban hành các chương trình, chính sách phát triển kinh tế ở các xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc và miền núi thể hiện sự bình đẳng giữa các dân tộc trên lĩnh vực

A. Văn hóa. **B.** kinh tế. **C.** chính trị. **D.** xã hội.

Câu 8: Theo quy định của pháp luật, thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc là điều kiện để khắc phục sự chênh lệch về

A. thói quen vùng miền. **B.** tập tục địa phương, **C.** nghi lễ tôn giáo. **D.** trình độ phát triển.

Câu 9: Cùng với tiếng phổ thông, các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của mình là thể hiện sự bình đẳng giữa các dân tộc trong lĩnh vực

A. văn hóa. **B.** tín ngưỡng. **C.** tôn giáo. **D.** giáo dục.

Câu 10: Công dân Việt Nam thuộc các dân tộc khác nhau khi đủ điều kiện mà pháp luật quy định đều có quyền bầu cử và ứng cử, quyền này thể hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc về

A. kinh tế. **B.** chính trị. **C.** văn hóa. **D.** xã hội.

Câu 11: Theo quy định của pháp luật, thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc là điều kiện để khắc phục sự chênh lệch về

A. thói quen vùng miền. **B.** tập tục địa phương. **C.** nghi lễ tôn giáo. **D.** trình độ phát triển.

Câu 12: Các dân tộc trên lãnh thổ Việt Nam đều có đại biểu của mình trong hệ thống các cơ quan quyền lực nhà nước là thể hiện quyền bình đẳng trong lĩnh vực

A. chính trị. **B.** lao động. **C.** kinh tế. **D.** kinh doanh.

Câu 13: Quyền bình đẳng giữa các dân tộc xuất phát từ quyền bình đẳng của công dân

A. trước pháp luật. **B.** trong gia đình. **C.** trong lao động. **D.** trước nhà nước.

Câu 14: Theo quy định của pháp luật, quyền bình đẳng giữa các dân tộc trên trong lĩnh vực giáo dục thể hiện ở chỗ, các dân tộc khác nhau đều bình đẳng về

A. phát triển chính trị. **B.** phát triển văn hóa. **C.** đời sống xã hội. **D.** cơ hội học tập.

Câu 15: Các dân tộc trong một quốc gia đều được Nhà nước và pháp luật tôn trọng, bảo vệ và tạo điều kiện phát triển là thể hiện quyền bình đẳng giữa các

A. tổ chức. **B.** tôn giáo. **C.** tín ngưỡng. **D.** dân tộc.

Câu 16: Nhà nước đầu tư tài chính để xây dựng hệ thống trường lớp ở vùng sâu, vùng xa là thể hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong lĩnh vực

A. truyền thông. **B.** dân vận. **C.** giáo dục. **D.** văn hóa.

Câu 17: Nguyên tắc quan trọng hàng đầu trong hợp tác và giao lưu giữa các dân tộc là

A. tôn trọng. **B.** bình đẳng. **C.** dân chủ. **D.** đoàn kết.

Câu 18: Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, phong tục tập quán, văn hoá tốt đẹp, của dân tộc mình là thể hiện bình đẳng giữa các dân tộc về

A. kinh tế. **B.** văn hóa. **C.** chính trị. **D.** phong tục.

Câu 19: Nhà nước ban hành các chương trình, chính sách phát triển kinh tế (134, 135) ở các xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc và miền núi thể hiện sự bình đẳng về.

A. Văn hóa. **B.** kinh tế. **C.** chính trị. **D.** xã hội.

Câu 20: Công dân Việt Nam thuộc các dân tộc khác nhau khi đủ điều kiện mà pháp luật quy định đều có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, là thể hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc về

A. kinh tế. **B.** chính trị. **C.** văn hóa, giáo dục. **D.** xã hội.

Câu 21: Theo quy định của pháp luật, quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong lĩnh vực kinh tế thể hiện ở việc các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam đều có quyền ?

A. Tham gia bầu cử đại biểu quốc hội. **B.** Ứng cử hội đồng nhân dân xã.
C. Vay vốn ưu đãi để sản xuất. **D.** Đóng góp ý kiến vào dự thảo luật.

Câu 22: Hình thức tín ngưỡng có tổ chức với những quan niệm giáo lí thể hiện sự tín ngưỡng và các hình thức lễ nghi thể hiện sự sùng bái tín ngưỡng ấy là

A. tôn giáo. **B.** tín ngưỡng. **C.** cơ sở tôn giáo. **D.** hoạt động tôn giáo.

Câu 23: Chùa, nhà thờ, thánh đường, thánh thất được gọi chung là

A. Các cơ sở vui chơi. **B.** Các cơ sở hợp hành tôn giáo.

C. Các cơ sở truyền đạo.

D. Các cơ sở tôn giáo.

Câu 24: Việc truyền bá, thực hành giáo lí, giáo luật, lễ nghi, quản lí tổ chức của tôn giáo là

A. tôn giáo.

B. tín ngưỡng.

C. cơ sở tôn giáo.

D. hoạt động tôn giáo.

Câu 25: Quyền bình đẳng giữa các tôn giáo được hiểu là các tôn giáo ở Việt Nam đều có quyền tự do hoạt động tôn giáo trong khuôn khổ của

A. giáo hội.

B. pháp luật.

C. đạo pháp.

D. hội thánh.

Câu 26: Các tôn giáo được Nhà nước công nhận đều bình đẳng trước pháp luật, có quyền hoạt động tôn giáo theo

A. tín ngưỡng cá nhân.

B. quan niệm đạo đức.

C. quy định của pháp luật.

D. phong tục tập quán.

Câu 27: Hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật được nhà nước **đảm bảo**, các cơ sở tôn giáo hợp pháp được pháp luật **bảo hộ** là nội dung quyền bình đẳng giữa các

A. tôn giáo.

B. tín ngưỡng.

C. cơ sở tôn giáo.

D. hoạt động tôn giáo.

Câu 28: Các tôn giáo được nhà nước công nhận đều bình đẳng trước pháp luật, có quyền hoạt động tôn giáo theo quy định của pháp luật nội dung quyền bình đẳng giữa các

A. tôn giáo.

B. tín ngưỡng.

C. cơ sở tôn giáo.

D. hoạt động tôn giáo.

Câu 29: Để thể hiện sự bình đẳng giữa các tôn giáo, giữa công dân có hoặc không có tôn giáo và giữa công dân của các tôn giáo khác nhau phải có thái độ gì với nhau ?

A. Tôn trọng.

B. Độc lập.

C. Công kích.

D. Ngang hàng.

Câu 30: Khẩu hiệu nào sau đây phản ánh **không** đúng trách nhiệm của công dân có tín ngưỡng, tôn giáo đối với đạo pháp và đất nước ?

A. Buôn thân bán thánh.

B. Tốt đời đẹp đạo.

C. Kính chúa yêu nước.

D. Đạo pháp dân tộc.

Câu 31: Các cơ sở tôn giáo được pháp luật thừa nhận dù lớn hay nhỏ được nhà nước đối xử

A. không bình đẳng.

B. có sự phân biệt.

C. bình đẳng như nhau.

D. tùy theo từng tôn giáo.

Câu 32: Ông A không đồng ý cho M kết hôn với K vì do hai người không cùng tôn giáo. Ông A đã không thực hiện quyền bình đẳng giữa

A. các dân tộc.

B. các tôn giáo.

C. tín ngưỡng.

D. các vùng, miền.

Câu 33: A và B chơi thân với nhau nhưng mẹ của A kịch liệt ngăn cản A vì B có theo tôn giáo. Hành vi của mẹ A xâm phạm quyền bình đẳng giữa

A. các địa phương.

B. các tôn giáo.

C. các giáo hội.

D. các gia đình.

Câu 34: Ngày 27/ 7 hàng năm, nhà trường tổ chức cho học sinh đến viếng nghĩa trang các anh hùng liệt sĩ ở địa phương. Hoạt động này thể hiện

A. hoạt động tín ngưỡng.

B. hoạt động mê tín dị đoan.

C. hoạt động tôn giáo.

D. hoạt động công ích.

Câu 35: Hiện nay có một số cá nhân giả danh nhà sư để đi khát thực, quyên góp tiền ủng hộ của nhân dân để xây dựng chùa chiền. Đây là biểu hiện của việc

A. hoạt động tôn giáo.

B. hoạt động tín ngưỡng.

C. lợi dụng tôn giáo.

D. mê tín dị đoan.

PHẦN 3: CÂU HỎI TỰ LUẬN:

Câu 1: Chị H là người dân tộc thiểu số được xét tuyển vào trường phổ thông dân tộc nội trú của tỉnh. Tốt nghiệp Trung học phổ thông, cộng thêm điểm ưu tiên, chị trúng tuyển vào một trường Đại học. Sau khi tốt nghiệp, trở về quê hương, chị H đã tham gia thực hiện chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với đồng bào dân tộc thiểu số vùng khó khăn phát triển kinh tế. Chị còn cùng đoàn thanh niên phục dựng lại nhiều trò chơi dân gian của dân tộc mình. Trong kỳ bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân các cấp, chị H đã trúng cử vào Hội đồng nhân dân huyện.

a. Việc chị H được hưởng các chế độ ưu tiên về học tập, có trái với nội dung quyền bình đẳng giữa các dân tộc không? Vì sao?

b. Em hãy chỉ ra những chi tiết chị H đã được thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc.

Gợi ý trả lời:

Chị H đã được thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong các lĩnh vực sau:

- Bình đẳng về giáo dục: Chị H được xét tuyển vào học trường phổ thông dân tộc nội trú và được cộng điểm ưu tiên khi xét tuyển vào trường đại học.

- Bình đẳng về chính trị: Chị H được thực hiện quyền bầu cử và tham gia vào cơ quan quyền lực nhà nước như các dân tộc khác.

- Bình đẳng về kinh tế: Chị đã tham gia thực hiện chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với đồng bào dân tộc thiểu số vùng khó khăn phát triển kinh tế. Nhà nước có sự quan tâm đầu tư phát triển kinh tế với các vùng đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số...

b. Việc chị H là người dân tộc thiểu số được hưởng các chế độ ưu tiên không trái với nội dung quyền bình đẳng giữa các dân tộc.

Vì: Chị H là người dân tộc thiểu số gặp nhiều khó khăn về:

+ Yếu tố địa hình.

+ Điều kiện kinh tế.

+ Phương tiện học tập.

Câu 2: Ông M giám đốc một tập đoàn đa quốc gia và chị B một người buôn bán nhỏ cùng vô tình tiếp xúc với một bệnh nhân nhiễm COVID 19. Sau đó, tại một điểm cách ly y tế tập trung, ông M và chị B cùng được cung cấp miễn phí các nhu yếu phẩm cần thiết. Liên tục trong hai tuần lễ, hằng ngày ông M và chị B đều thực hiện việc đo thân nhiệt và chăm sóc sức khỏe theo đúng hướng dẫn của nhân viên y tế.

Nêu rõ sự bình đẳng về quyền công dân giữa ông M và chị B?

Gợi ý trả lời:

- Bình đẳng về hưởng quyền:

+ Cùng được thực hiện cách ly y tế tập trung.

+ Cùng hưởng chế độ như nhau

- Bình đẳng về nghĩa vụ:

+ Cùng thực hiện khai báo dịch tễ và cách ly y tế theo quy định.

+ Thực hiện theo đúng hướng dẫn của các cán bộ tại khu cách li.

Câu 3: Gia đình các chị A, B là hàng xóm của nhau. Chị A phát hiện điện thoại của mình bị mất và nghi ngờ cháu T con chị B lấy cắp. Trong lúc chị B đi vắng, chị A đã vào nhà riêng của chị B tìm kiếm và bắt cháu T về nhà mình tra khảo tìm điện thoại. Chị B biết chuyện đã xỉ nhục chị A và đi báo công an về việc chị B bắt con của mình tra khảo.

Trong tình huống trên:

a. Chị A và chị B đã vi phạm những quyền tự do cơ bản nào? Hãy chỉ rõ những hành vi vi phạm cụ thể của từng người?

b. Chị B đã thực hiện quyền tự do cơ bản nào?

Gợi ý trả lời:

a. Chị B vi phạm quyền được pháp luật bảo đảm hộ tính mạng sk, nhân phẩm danh dự .

- Hành vi vi phạm cụ thể: Xỉ nhục chị A

- Chị A vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.

- Hành vi vi phạm cụ thể: Tự ý vào nhà chị B để bắt cháu T.

b. Chị B đã thực hiện quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.

Câu 4: Em hãy đọc tình huống và trả lời câu hỏi sau đây:

Sau 10 năm kết hôn, vợ chồng chị Q và anh T đã mua được nhà riêng, đồng thời thành lập một công ty tư nhân. Khi con gái vào học lớp một, chị Q có mong muốn được tham gia khóa đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn nhưng anh T kiên quyết phản đối.

a. Anh T có quyền ngăn cản việc học của vợ mình là chị Q hay không? Vì sao?

b. Chị Q cần làm gì để thực hiện quyền học tập của mình?

Gợi ý trả lời:

a. Anh T không có quyền ngăn cản việc học của vợ mình.

Vi: Pháp luật nước ta quy định học tập là một trong những quyền cơ bản của con người. Theo đó, mọi công dân có quyền học không hạn chế.

b. Chị Q cần làm một số việc theo gợi ý sau đây để thực hiện quyền học tập của mình

- Phân tích cho anh T hiểu để nhận được sự ủng hộ của chồng.

- Sắp xếp thời gian, công việc hợp lý để tiếp tục thực hiện quyền học tập của bản thân.

Câu 5: Gia đình anh A, anh C và chị D cùng sinh sống tại địa phương X. Anh A đề nghị và được anh C đồng ý sử dụng thẻ bảo hiểm y tế của anh C để khám bệnh. Khi chị D đe dọa tố cáo sự việc trên, anh A đã ném chất thải làm bẩn tường nhà chị D. Không những thế, vợ anh A là chị B còn đến trụ sở cơ quan nơi chị D công tác gây rối nên bị cơ quan chức năng lập biên bản xử phạt.

a. Trong tình huống trên, anh A, anh C và chị B cùng vi phạm pháp luật loại nào? Chỉ rõ từng hành vi vi phạm của những người đó.

b. Em đã dựa trên những dấu hiệu nào để xác định hành vi của những nhân vật trên là hành vi vi phạm pháp luật?

Gợi ý trả lời:

a. Anh A, anh C và chị B cùng vi phạm pháp luật: hành chính

Cụ thể:

Anh A sử dụng thẻ bảo hiểm y tế của người khác và ném chất thải làm bẩn tường nhà chị D

Anh C cho người khác sử dụng thẻ bảo hiểm y tế của mình

Chị B: Gây rối tại trụ sở cơ quan chị D

b. Dấu hiệu để xác định hành vi vi phạm pháp luật:

- Là hành vi trái pháp luật.

- Do người có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện.

Người vi phạm pháp luật phải có lỗi.

Hành vi của anh A, anh C và chị B đều là hành vi vi phạm pháp luật vì có đủ 3 dấu hiệu trên.

Câu 6: Anh A là người kinh doanh đã đưa hối lộ cho anh B là cán bộ chức năng và đề nghị anh B bỏ qua việc anh A đã không nộp thuế theo đúng quy định. Tuy nhiên, anh B đã từ chối nhận tiền, đồng thời lập biên bản xử phạt anh A.

Trong tình huống trên, anh A đã vi phạm những hình thức thực hiện pháp luật nào? Nếu tham gia hoạt động kinh doanh, em có định hướng như thế nào về hoạt động của bản thân.

Gợi ý trả lời:

Hình thức vi phạm pháp luật của anh A:

+ Thi hành pháp luật: Không nộp thuế theo quy định.

+ Tuân thủ pháp luật: Đưa hối lộ cho cán bộ chức năng (làm điều pháp luật cấm)

- Định hướng hành vi bản thân:

+ Thực hiện đúng quy định của pháp luật trong quá trình hoạt động kinh doanh như: nộp thuế đúng quy định của pháp luật, bảo vệ môi trường, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng...

+ Phê phán những hành vi vi phạm đạo đức kinh doanh

Câu 7: Nguyên tắc bình đẳng được thể hiện như thế nào trong quan hệ giữa vợ và chồng? Thực hiện nguyên tắc bình đẳng trong quan hệ giữa vợ và chồng có ý nghĩa như thế nào đối với người phụ nữ trong giai đoạn hiện nay?

Gợi ý trả lời:

Nguyên tắc bình đẳng giữa vợ và chồng được thể hiện trong quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản.

+ Trong quan hệ nhân thân: Vợ, chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc lựa chọn nơi cư trú; tôn trọng và giữ gìn danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhau; giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Vợ chồng bình đẳng với nhau trong việc bàn bạc, quyết định lựa chọn và sử dụng biện pháp kế hoạch hóa gia đình phù hợp; sử dụng thời gian nghỉ chăm sóc con ốm theo quy định của pháp luật.

+ Trong quan hệ tài sản: Vợ, chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong sở hữu tài sản chung, thể hiện ở các quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt. Những tài sản chung của vợ, chồng mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu thì trong giấy chứng nhận quyền sở hữu phải ghi tên cả vợ và chồng. Việc mua, bán, đổi, cho, vay, mượn và những giao dịch dân sự khác liên quan đến tài sản chung, có giá trị lớn hoặc là nguồn sống duy nhất của gia đình, việc dùng tài sản chung để đầu tư kinh doanh phải được bàn bạc, thỏa thuận giữa vợ và chồng.

+ Ngoài ra, pháp luật còn thừa nhận vợ, chồng có quyền có tài sản riêng và có quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản riêng của mình (tài sản có trước khi kết hôn, tài sản được thừa kế riêng, cho, tặng riêng trong thời kì hôn nhân)

- Thực hiện nguyên tắc bình đẳng trong quan hệ giữa vợ và chồng có ý nghĩa:

+ Tạo cơ sở để vợ, chồng củng cố tình yêu, đảm bảo được sự bền vững của hạnh phúc gia đình.

+ Vừa phát huy truyền thống của dân tộc về tình nghĩa vợ chồng, vừa khắc phục được tư tưởng phong kiến lạc hậu, trọng nam khinh nữ, bảo vệ quyền lợi của người phụ nữ trong gia đình.

Câu 8: Kết thúc giờ học Giáo dục công dân, Quỳnh và Nhân tranh luận với nhau về nội dung của quyền tự do kinh doanh. Quỳnh cho rằng: "Công dân có quyền tự do kinh doanh bất cứ nghề gì, hàng gì. Đó mới là nội dung

của quyền tự do kinh doanh”. Nhân không đồng tình với quan điểm trên, mà hiểu rằng kinh doanh phải trong khuôn khổ pháp luật cho phép. Ý kiến của bạn nào đúng, bạn nào sai? Hãy giải thích rõ hơn về quyền tự do kinh doanh?

Gợi ý trả lời:

Ý kiến bạn Nhân đúng.

Quyền tự do kinh doanh là quyền của công dân được lựa chọn hình thức tổ chức kinh tế, ngành nghề và quy mô kinh doanh.

Quyền tự do kinh doanh là một trong các quyền cơ bản của công dân, được quy định tại Điều 57 Hiến pháp năm 1992 và trong pháp luật về kinh doanh:

“Công dân có quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật”.

Theo quy định của Hiến pháp, công dân có quyền tự do kinh doanh nhưng phải trong khuôn khổ pháp luật. Người kinh doanh phải tuân theo quy định của pháp luật và sự quản lý của Nhà nước như phải kê khai đúng số vốn, kinh doanh đúng ngành, mặt hàng ghi trong giấy phép, không kinh doanh những lĩnh vực mà Nhà nước cấm như thuốc nổ, vũ khí, ma túy, mại dâm...

Câu 9: Theo em, việc pháp luật thừa nhận quyền sở hữu tài sản riêng của vợ, chồng có mâu thuẫn với nguyên tắc bình đẳng giữa vợ và chồng không?

Gợi ý trả lời:

Việc pháp luật thừa nhận quyền sở hữu tài sản riêng của vợ, chồng không mâu thuẫn với nguyên tắc bình đẳng giữa vợ và chồng.

Là sự tôn trọng quyền sở hữu cá nhân của công dân nói chung và vợ chồng nói riêng, giúp tạo ra môi trường pháp lí đảm bảo sự bình đẳng về quyền và nghĩa vụ tài sản giữa vợ và chồng

Tôn trọng sự độc lập của vợ chồng trong việc tham gia vào các mối quan hệ xã hội khác ngoài hôn nhân và gia đình. Đảm bảo sự tự do của vợ và chồng khi tham gia các giao dịch ngoài xã hội cũng như xác định rõ trách nhiệm, khả năng thanh toán của vợ hoặc chồng và bảo vệ quyền lợi của những người khác khi tham gia giao dịch.

Là căn cứ pháp lí để các cấp tòa án giải quyết thấu đáo, công bằng những vụ việc tranh chấp liên quan đến tài sản của vợ chồng

Đồng thời khẳng định một cách nhất quán trong việc tiếp cận về bình đẳng giới xét cả về mặt lý luận và thực tiễn của việc ghi nhận pháp luật trong đời sống.

Câu 10: Việc Nhà nước ưu đãi đối với người lao động có trình độ chuyên môn kĩ thuật cao và quy định không sử dụng lao động nữ vào các công việc nặng nhọc, nguy hiểm, độc hại, ảnh hưởng xấu đến chức năng sinh đẻ và nuôi con có trái với nguyên tắc công dân bình đẳng trong lao động không? Vì sao?

Gợi ý trả lời:

– Việc nhà nước ưu đãi đối với người lao động có trình độ chuyên môn kĩ thuật cao và quy định không sử dụng lao động nữ vào các công việc nặng nhọc, nguy hiểm, độc hại, ảnh hưởng xấu đến chức năng sinh đẻ và nuôi con không trái với nguyên tắc công dân bình đẳng trong lao động.

– Vì:

+ Xuất phát từ những đặc điểm riêng của các chủ thể tham gia quan hệ lao động, hoặc xuất phát từ những đặc điểm của công việc, tính chất của ngành nghề, tính chất của doanh nghiệp mà ngoài những quy định ở phần chung, Bộ luật Lao động quy định về chế độ lao động áp dụng riêng cho một số đối tượng lao động nhất định. Việc quy định chế độ lao động áp dụng cho các đối tượng này không phải là đặc quyền đặc lợi mà xuất phát từ hoàn cảnh thực tế pháp luật cần phải bảo vệ những nhóm người đó.

+ Thứ nhất, xét về mặt kinh tế, việc quy định chế độ lao động với lao động chưa thành niên, lao động là người cao tuổi, lao động là người tàn tật, lao động nữ, lao động là người có trình độ chuyên môn kĩ thuật cao và các loại lao động khác là tạo điều kiện cho họ tham gia vào các quan hệ lao động, tận dụng mọi tiềm năng lao động của xã hội để sản xuất thêm của cải vật chất cho xã hội, góp phần giải phóng sức lao động. Quan trọng hơn cả là góp phần tăng thu nhập cho bản thân người lao động và gia đình họ trong điều kiện trợ cấp xã hội, phúc lợi xã hội còn hạn chế.

+ Thứ hai, xét về mặt xã hội, việc ban hành chế độ lao động đối với các đối tượng kể trên thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước ta, góp phần làm cho họ hòa mình vào cộng đồng, có cơ hội đem hết sức mình làm việc, cải thiện đời sống bản thân, gia đình và xây dựng đất nước.

Phần 4: Giới thiệu đề Minh họa và đề các năm:
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I - NĂM HỌC 2020 - 2021
ĐỀ MINH HỌA **Môn thi: Giáo dục công dân - Lớp 12**

Thời gian làm bài: 45 phút không tính thời gian phát đề

PHẦN TRẮC NGHIỆM

- Câu 1:** Phương án nào dưới đây, đúng với nội dung đã học: Pháp luật do Nhà nước xây dựng, ban hành và
- A. bảo đảm thực hiện. B. tuyệt đối bảo mật.
C. đảm bảo lưu hành. D. đảm bảo chính xác.
- Câu 2:** Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự chung do Nhà nước ban hành và luôn được bảo đảm thực hiện bằng
- A. quyền lực Nhà nước. B. quyền lực của tổ chức chính trị.
C. sức mạnh của nhân dân. D. nền tảng đạo đức
- Câu 3:** Sử dụng pháp luật là các cá nhân, tổ chức sử dụng đúng đắn các quyền của mình để thực hiện mọi hành vi nào sau đây?
- A. Được pháp luật cho phép. B. Bị người khác ép buộc.
C. Đề cao quyền lực riêng. D. Mang tính chất cưỡng chế.
- Câu 4:** Vi phạm pháp luật là hành vi trái pháp luật, có lỗi do người có năng lực trách nhiệm pháp lí thực hiện xâm hại các quan hệ xã hội nào sau đây?
- A. Được pháp luật bảo vệ. B. Đã trở nên lỗi thời.
C. Cần phải được loại bỏ. D. Cản trở sự công bằng.
- Câu 5:** Hành vi vi phạm các quan hệ lao động, công vụ Nhà nước do pháp luật lao động và pháp luật hành chính bảo vệ là nội dung khái niệm nào sau đây?
- A. Vi phạm kỷ luật. B. Lũng đoạn thị trường.
C. Gây rối trật tự. D. Kích động bạo lực.
- Câu 6:** Nghĩa vụ mà các cá nhân hoặc tổ chức phải gánh chịu hậu quả bất lợi từ hành vi vi phạm pháp luật của mình là nội dung khái niệm nào sau đây?
- A. Trách nhiệm pháp lí. B. Phòng chống tội phạm.
C. Phong tỏa xã hội. D. Tình trạng khẩn cấp.
- Câu 7 :** Bình đẳng trước pháp luật là mọi công dân đều không bị phân biệt đối xử trong việc hưởng quyền, thực hiện nghĩa vụ và
- A. chịu trách nhiệm pháp lí. B. chiếm hữu tài nguyên thiên nhiên.
C. chia đều tài sản công cộng. D. san bằng nguồn quỹ bảo trợ.
- Câu 8:** Bình đẳng về trách nhiệm pháp lí là bất kỳ công dân nào vi phạm pháp luật đều phải bị xử lí theo
- A. quy định của pháp luật. B. nghi lễ của địa phương.
C. tín ngưỡng của vùng miền. D. niềm tin của tôn giáo.
- Câu 9:** Bình đẳng trong hôn nhân và gia đình nghĩa là vợ chồng cần phải thực hiện hành vi nào sau đây?
- A. Tôn trọng lẫn nhau. B. Từ bỏ tài sản chung.
C. San bằng mọi thu nhập. D. Hạn chế giao tiếp.
- Câu 10:** Trong quan hệ lao động cụ thể, quyền bình đẳng của công dân được thực hiện thông qua văn bản nào sau đây?
- A. Hợp đồng lao động. B. Hồ sơ tín dụng.
C. Văn bằng chứng chỉ. D. Lí lịch trích ngang.
- Câu 11.** Một trong những nội dung về bình đẳng trong thực hiện quyền lao động là mọi người đều có quyền lựa chọn
- A. việc làm và được trả công theo ý muốn của bản thân.
B. việc làm phù hợp với khả năng của mình mà không bị phân biệt đối xử.
C. điều kiện làm việc và hưởng các chế độ ưu đãi theo nhu cầu của mình.
D. việc làm và thời gian làm việc theo ý muốn của người lao động.
- Câu 12:** Nội dung nào dưới đây **không thể hiện** quyền bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ?
- A. Không phân biệt điều kiện làm việc. B. Được đối xử bình đẳng tại nơi làm việc.
C. Có cơ hội tiếp cận việc làm như nhau. D. Có tiêu chuẩn và độ tuổi tuyển dụng như nhau.
- Câu 13:** Quyền bình đẳng giữa các dân tộc được hiểu là mọi dân tộc trong một quốc gia đều được Nhà nước và pháp luật
- A. tạo điều kiện phát triển. B. chia đều tài sản chung.
C. miễn phí mọi dịch vụ. D. duyệt hồ sơ vay vốn.
- Câu 14:** Các dân tộc trong một quốc gia đều được Nhà nước và pháp luật tôn trọng, bảo vệ tạo điều kiện phát triển là nội dung khái niệm nào sau đây?
- A. Bình đẳng giữa các dân tộc. B. Phân chia địa giới hành chính.
C. Xác lập vị trí độc quyền. D. Chia đều tài sản công cộng.
- Câu 15:** Quyền bình đẳng giữa các tôn giáo được hiểu là pháp luật luôn bảo hộ tất cả
- A. nơi thờ tự tín ngưỡng. B. mọi nguồn thu nhập.

- C. nghi lễ vùng miền. D. hệ tư tưởng cực đoan.
- Câu 16:** Các tôn giáo ở Việt Nam đều được tự do hoạt động trong khuôn khổ pháp luật và được Nhà nước và pháp luật
- A. đối xử bình đẳng. B. chia đều quyền lực.
C. trợ cấp định kỳ. D. san bằng lợi nhuận.
- Câu 17:** Pháp luật **không** thể hiện đặc trưng cơ bản nào sau đây?
- A. Phân biệt vùng miền. B. Quy phạm phổ biến.
C. Quyền lực, bắt buộc chung. D. Xác định chặt chẽ về hình thức.
- Câu 18:** Khi đã trở thành nội dung của quy phạm pháp luật, giá trị đạo đức được Nhà nước bảo đảm thực hiện bằng phương tiện nào sau đây?
- A. Quyền lực nhà nước. B. Quyền lực của tổ chức chính trị.
C. Quyền lực xã hội. D. Năng lực cá nhân.
- Câu 19:** Một trong những dấu hiệu của vi phạm pháp luật là người vi phạm phải có năng lực nào sau đây?
- A. Trách nhiệm pháp lí. B. Tiếp nhận bảo trợ.
C. Tài chính vững mạnh. D. Hình thành nhân cách.
- Câu 20:** Việc áp dụng trách nhiệm pháp lí nhằm một trong những mục đích nào sau đây?
- A. Kiểm chế những việc làm trái pháp luật. B. Triệt tiêu tất cả các tệ nạn xã hội.
C. Chia đều mọi của cải trong xã hội. D. Xóa bỏ hoàn toàn tình trạng thất nghiệp.
- Câu 21:** Buộc các chủ thể vi phạm pháp luật phải chấm dứt hành vi trái pháp luật của mình là một trong những
- A. mục đích của trách nhiệm pháp lí. B. điều kiện để xóa bỏ nhân quyền.
C. nghi thức khi hoạt động tôn giáo. D. biện pháp để san bằng lợi ích
- Câu 22:** Việc xử lí người chưa thành niên phạm tội luôn được áp dụng theo nguyên tắc nào sau đây?
- A. Giáo dục là chủ yếu. B. Không chế bằng vũ lực.
C. Cách ly với cộng đồng. D. Bảo mật nơi giam giữ.
- Câu 23:** Nội dung nào sau đây **không** thể hiện bình đẳng trong hôn nhân và gia đình giữa vợ chồng?
- A. Phản bác hôn nhân tiến bộ. B. Cùng lựa chọn nơi cư trú.
C. Tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng. D. Giúp đỡ nhau về mọi mặt.
- Câu 24:** Theo quy định của pháp luật việc giao kết hợp đồng lao động **không** được thực hiện theo nguyên tắc nào sau đây?
- A. Cường chế. B. Tự nguyện.
C. Bình đẳng. D. Trực tiếp.
- Câu 25:** Nội dung nào sau đây thể hiện quyền bình đẳng trong kinh doanh của công dân?
- A. Tự chủ đăng ký kinh doanh. B. Ấn định mức thuế thu nhập.
C. Chia đều của cải xã hội. D. Nghiêm cấm khiêu nại, tố cáo,
- Câu 26:** Bình đẳng trong kinh doanh có nghĩa là mọi doanh nghiệp đều phải thực hiện nghĩa vụ nào sau đây?
- A. Kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký. B. Chủ động mở rộng thị trường.
C. Lắp đặt hệ thống giám sát tự động. D. Sử dụng lao động nhập cư.
- Câu 27:** Theo quy định của pháp luật, tất cả các cơ sở tôn giáo hợp pháp đều được hưởng quyền nào sau đây?
- A. Được pháp luật bảo hộ. B. Chia đều quyền lực.
C. Bảo mật tuyệt đối. D. Sùng bái địa vị riêng.
- Câu 28:** Theo quy định của pháp luật các dân tộc ở Việt Nam đều được
- A. bình đẳng về chính trị. B. hưởng phụ cấp khu vực.
C. miễn phí mọi loại hình dịch vụ. D. bài trừ quyền tự do tín ngưỡng.

PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1: (2,0 điểm). Chị H là người dân tộc thiểu số được xét tuyển vào trường phổ thông dân tộc nội trú của tỉnh. Tốt nghiệp Trung học phổ thông, cộng thêm điểm ưu tiên, chị trúng tuyển vào một trường Đại học. Sau khi tốt nghiệp, trở về quê hương, chị H đã tham gia thực hiện chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với đồng bào dân tộc thiểu số vùng khó khăn phát triển kinh tế. Chị còn cùng đoàn thanh niên phục dựng lại nhiều trò chơi dân gian của dân tộc mình. Trong kỳ bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân các cấp, chị H đã trúng cử vào Hội đồng nhân dân huyện.

a. Việc chị H được hưởng các chế độ ưu tiên về học tập, có trái với nội dung quyền bình đẳng giữa các dân tộc không? Vì sao?

b. Em hãy chỉ ra những chi tiết chị H đã được thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc.

Câu 2: (1,0 điểm). Ông M giám đốc một tập đoàn đa quốc gia và chị B một người buôn bán nhỏ cùng vô tình tiếp xúc với một bệnh nhân nhiễm COVID 19. Sau đó, tại một điểm cách ly y tế tập trung, ông M và chị B cùng được cung cấp miễn phí các nhu yếu phẩm cần thiết. Liên tục trong hai tuần lễ, hằng ngày ông M và chị B đều thực hiện việc đo thân nhiệt và chăm sóc sức khỏe theo đúng hướng dẫn của nhân viên y tế.

Nêu rõ sự bình đẳng về quyền công dân giữa ông M và chị B?

----- HẾT -----

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I - NĂM HỌC

Môn thi: Giáo dục công dân - Lớp 12_Thời gian làm bài: 45 phút không tính thời gian phát đề

I. TRẮC NGHIỆM (7 điểm)

Câu 1: Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự chung do nhà nước ban hành và được bảo đảm thực hiện bằng

- A. quyền lực nhà nước.
- B. ý chí nhân dân.
- C. thế lực chính trị.
- D. sức ép chính quyền.

Câu 2: Tất cả mọi cá nhân, tổ chức ai cũng phải xử sự theo pháp luật. Điều đó thể hiện đặc trưng nào dưới đây của pháp luật?

- A. Tính công khai.
- B. Tính dân chủ.
- C. Tính quyền lực, bắt buộc chung.
- D. Tính quy phạm phổ biến.

Câu 3: Các cá nhân, tổ chức sử dụng đúng đắn các quyền của mình, làm những gì pháp luật cho phép làm là

- A. tuân thủ pháp luật.
- B. sử dụng pháp luật.
- C. thi hành pháp luật.
- D. áp dụng pháp luật.

Câu 4: Cơ quan, công chức nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào quy định của pháp luật để đưa ra quyết định phát sinh chấm dứt hoặc thay đổi các quyền nghĩa vụ cụ thể của cá nhân, tổ chức là

- A. thi hành pháp luật.
- B. sử dụng pháp luật.
- C. áp dụng pháp luật.
- D. tuân thủ pháp luật.

Câu 5: Những hành vi vi phạm pháp luật có mức độ nguy hiểm cho xã hội thấp hơn tội phạm, vi phạm đến các quy tắc quản lý của nhà nước là gì?

- A. Vi phạm kỷ luật.
- B. Vi phạm hành chính.
- C. Vi phạm dân sự.
- D. Vi phạm hình sự.

Câu 6: Vi phạm dân sự là những hành vi xâm phạm tới các

- A. quan hệ tài sản và quan hệ gia đình.
- B. quan hệ sở hữu và quan hệ gia đình.
- C. quan hệ kinh tế và quan hệ tình cảm.
- D. quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân.

Câu 7: Theo quy định của pháp luật, bình đẳng về trách nhiệm pháp lí có nghĩa là bất kì công dân nào vi phạm pháp luật đều

- A. được giảm nhẹ hình phạt.
- B. được đền bù thiệt hại.
- C. bị xử lí nghiêm minh.
- D. bị tước quyền con người.

Câu 8: Một trong những nội dung của quyền bình đẳng trong hôn nhân và gia đình là vợ, chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc

- A. bài trừ quyền tự do tín ngưỡng.
- B. che dấu hành vi bạo lực.
- C. kế hoạch hóa gia đình.
- D. ngăn cản mọi nghi lễ tôn giáo.

Câu 9: Theo quy định của pháp luật, để giao kết hợp đồng lao động các bên cần phải tuân thủ vào nguyên tắc nào?

- A. Tự do, tự nguyện, bình đẳng.
- B. Dân chủ, công bằng, văn minh.
- C. Tích cực, chủ động, hội nhập.
- D. Kỷ cương, tình thương, trách nhiệm.

Câu 10: Công dân tự do sử dụng sức lao động của mình trong việc tìm kiếm, lựa chọn việc làm là thể hiện nội dung bình đẳng về

- A. quyền tự do lao động.
- B. công bằng trong lao động.
- C. hợp đồng lao động.
- D. thực hiện quyền lao động.

Câu 11: Mọi công dân khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đều được tự do lựa chọn loại hình doanh nghiệp phù hợp là nội dung quyền bình đẳng trong

- A. tìm kiếm việc làm.
- B. tuyển dụng lao động.
- C. lĩnh vực kinh doanh.
- D. đào tạo nhân lực.

Câu 12: Khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, mọi doanh nghiệp đều có quyền tự chủ đăng kí kinh doanh trong những ngành nghề

- A. phù hợp với nhu cầu
- B. do mình lựa chọn
- C. pháp luật không cấm
- D. mình có sở thích

Câu 13: Nguyên tắc quan trọng hàng đầu trong hợp tác, giao lưu giữa các dân tộc ở nước ta là các dân tộc phải được đảm bảo quyền

- A. bình đẳng.
- B. tự do.
- C. và nghĩa vụ.
- D. phát triển.

Câu 14: Nhà nước có chính sách học bổng và ưu tiên con em đồng bào dân tộc thiểu số được tạo điều kiện nâng cao trình độ là góp phần thực quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong lĩnh vực

- A. tự do tín ngưỡng.
- B. chính trị.
- C. kinh tế.
- D. văn hóa, giáo dục.

Câu 15: Các dân tộc trên lãnh thổ Việt Nam đều có đại biểu của mình trong hệ thống các cơ quan quyền lực nhà nước là thể hiện quyền bình đẳng trong lĩnh vực

- A. chính trị.
- B. lao động.
- C. kinh tế.
- D. kinh doanh.

Câu 16: Các tôn giáo được Nhà nước công nhận đều bình đẳng trước pháp luật, có quyền hoạt động tôn giáo theo

- A. tín ngưỡng cá nhân.
- B. quan niệm đạo đức.
- C. quy định của pháp luật.
- D. phong tục tập quán.

Câu 17: Việc làm nào dưới đây thể hiện vai trò quản lý xã hội của pháp luật

- A. Xử phạt hành chính về thuế .
- B. Công bố quy hoạch đất đai.
- C. Tiếp nhận đơn tố cáo.
- D. Niêm yết danh sách cử tri

Câu 18: Việc làm nào dưới đây thể hiện vai trò của pháp luật trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân

- A. Thực hiện tố cáo nặc danh
- B. Xúc phạm nhằm hạ uy tín người khác.
- C. Thông báo tuyển dụng nhân sự.
- D. Khiếu nại vì đền bù chưa thỏa đáng.

Câu 19: Công dân thi hành pháp luật khi

- A. Độc lập lựa chọn ứng cử viên.
- B. Tổ chức nhập cảnh trái phép.
- C. Khai báo y tế khi đi về từ vùng dịch.
- D. Tố cáo người nhập cảnh trái phép.

Câu 20: Theo quy định của pháp luật, công dân **không** tuân thủ pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Nghiên cứu tiêu sử ứng viên.
- B. Sàng lọc giới tính thai nhi.
- C. Tham gia hoạt động tôn giáo.
- D. Bổ sung hồ sơ kinh doanh.

Câu 21: Theo quy định của pháp luật, người có đủ năng lực trách nhiệm pháp lí thực hiện hành vi nào sau đây phải chịu trách nhiệm hình sự?

- A. Tổ chức mua bán nội tạng người.
- B. Từ chối nhận tài sản thừa kế.
- C. Hủy bỏ giao dịch dân sự.
- D. Từ chối trợ giúp pháp lý.

Câu 22: Theo quy định của pháp luật, người có đủ năng lực trách nhiệm pháp lí thực hiện hành vi nào sau đây phải chịu trách nhiệm hành chính?

- A. Buôn bán động vật trong danh mục cấm.
- B. Bí mật giải cứu con tin.
- C. Đề xuất người giám hộ bị can.
- D. Lấn chiếm hè phố để kinh doanh.

Câu 23: Nội dung nào sau đây thể hiện quy định của pháp luật về sự bình đẳng của công dân trong việc thực hiện nghĩa vụ trước Nhà nước và xã hội?

- A. Đăng ký tư vấn nghề nghiệp.
- B. Từ chối di sản thừa kế.
- C. Tham gia bảo vệ Tổ quốc.
- D. Bảo trợ người vô gia cư.

Câu 24: Nội dung nào sau đây thể hiện quy định của pháp luật về sự bình đẳng của công dân trong việc thực hiện nghĩa vụ trước Nhà nước và pháp luật?

- A. Tự chuyển quyền nhân thân.
- B. Công khai gia phả dòng họ.
- C. Nộp thuế theo luật định.
- D. Chia sẻ bí quyết gia truyền.

Câu 25: Theo quy định của pháp luật, nội dung nào sau đây thể hiện công dân bình đẳng của trong việc hưởng quyền ?

- A. dùng tiếng nói, chữ viết riêng.
- B. thực hiện chính sách tương trợ.
- C. thay đổi cơ chế quản lí.
- D. tham gia quản lí xã hội.

Câu 26: Theo quy định của pháp luật, nội dung nào sau đây thể hiện công dân bình đẳng của trong việc hưởng quyền ?

- A. Hoàn thiện thủ tục nhận khoán rừng.
- B. Khai báo điều tra nhân khẩu.
- C. Tiến hành thủ tục đăng ký kinh doanh.
- D. Lắp đặt hệ thống phần mềm quản lí.

Câu 27: Theo quy định của pháp luật, nội dung nào dưới đây **không** thể hiện quyền các dân tộc bình đẳng trong lĩnh vực giáo dục?

- A. Xây dựng trường dân tộc nội trú.
- B. Thực hiện chế độ cử tuyển .
- C. Tuyên truyền từ bỏ hủ tục.
- D. Hỗ trợ kinh phí học tập.

Câu 28: Theo quy định của pháp luật, quyền bình đẳng trong trên lĩnh vực chính trị thể hiện ở việc các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam đều được

- A. phát triển kinh tế du lịch cộng đồng.
- B. đóng góp ý kiến sửa đổi Hiến pháp.
- C. bảo tồn trang phục dân tộc .
- D. tổ chức lễ hội truyền thống.

II. TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 29.(2 điểm) Gia đình bác Hoa mở cửa hàng kinh doanh mặt hàng điện tử. Do ảnh hưởng của dịch bệnh nên việc kinh doanh bị đóng cửa dẫn đến thua lỗ. Mặc dù đã có quy định đóng cửa để phòng chống dịch, nhưng do hám lợi bác đã thuê nhân công bí mật gia công khẩu trang tể đã qua sử dụng để cung cấp ra thị trường

a) Theo em, việc làm của bác Hoa là chưa thực hiện tốt hình thức thực hiện pháp luật nào. Vì sao?

b) Trong cuộc sống hàng ngày, em đã thực hiện đúng quy định của pháp luật chưa? Nêu ví dụ cụ thể về hành vi thực hiện pháp luật của em.

Câu 30. (1 điểm): Tại sao người lao động và người sử dụng lao động phải giao kết hợp đồng lao động? Thực hiện đúng nguyên tắc trong giao kết hợp đồng lao động đem lại quyền lợi gì cho người lao động và người sử dụng lao động?

----- HẾT -----

Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề có 02 trang)

Học sinh làm bài bằng cách chọn và tô kín một ô tròn trên **Phiếu trả lời trắc nghiệm** tương ứng với phương án trả lời đúng của mỗi câu.

Họ và tên học sinh:.....Lớp:

Số báo danh:Phòng số:.....Trường:

Mã đề: 825

Câu 1: Văn bản pháp luật diễn đạt chính xác, một nghĩa để người dân bình thường đọc cũng hiểu được đúng và thực hiện chính xác là biểu hiện của đặc trưng nào dưới đây của pháp luật?

- A. Tính dân tộc sâu sắc. B. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức.
C. Tính quyền lực bắt buộc chung. D. Tính quy phạm phổ biến.

Câu 2: Người có đủ năng lực trách nhiệm pháp lý vi phạm dân sự khi thực hiện hành vi nào dưới đây?

- A. Buôn bán hàng hóa lấn chiếm vỉa hè.
B. Không thực hiện các biện pháp phòng chống bệnh truyền nhiễm.
C. Thực hiện không đúng các quy định trong hợp đồng thuê nhà.
D. Cưa, tháo bom, mìn, đạn để lấy thuốc nổ trái phép.

Câu 3: Nội dung nào dưới đây thể hiện doanh nghiệp bình đẳng về nghĩa vụ trong kinh doanh?

- A. Tự chủ đăng ký kinh doanh. B. Chủ động tìm kiếm thị trường.
C. Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. D. Lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh.

Câu 4: Pháp luật được áp dụng trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội là thể hiện đặc trưng nào dưới đây của pháp luật?

- A. Tính xác định chặt chẽ về nội dung. B. Tính quy phạm phổ biến.
C. Tính quyền lực, bắt buộc chung. D. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.

Câu 5: Một trong những nguyên tắc cơ bản trong giao kết hợp đồng lao động giữa người sử dụng lao động và người lao động là

- A. dân chủ. B. trực tiếp. C. tự giác. D. ủy quyền.

Câu 6: Chị H bị chồng là anh G và mẹ chồng là bà T gây sức ép phải nghỉ học lớp liên thông lên Đại học. Bức xúc, chị H đã bán ngôi nhà mà chị được thừa kế trước khi kết hôn và có ý định xuất khẩu lao động sang Nhật Bản. Biết chuyện, bà Y-mẹ chị H đã cùng con gái là chị M sang nhà bà T làm rõ sự việc. Trong lúc nói chuyện, bà Y đã mắng chửi, xúc phạm hai mẹ con bà T. Hành vi của những ai dưới đây vi phạm quyền bình đẳng trong hôn nhân và gia đình?

- A. Anh G, bà T và chị H. B. Anh G, bà Y và bà T. C. Anh G, bà T và chị M. D. Bà Y, chị H và chị M.

Câu 7: Một trong những nguyên tắc cơ bản để đảm bảo quyền bình đẳng trong hôn nhân và gia đình là

- A. tự nguyện. B. tự do. C. công khai. D. công bằng.

Câu 8: Ông N hợp tác với chị Q sản xuất số lượng lớn khẩu trang giả tương đương hai mươi triệu đồng hàng thật để bán ra thị trường. Biết được việc làm của vợ, anh S-chồng chị Q can ngăn và dọa sẽ tố cáo ông N. Để bảo vệ công việc làm ăn của chồng, bà H-vợ ông N đã thuê V và Y chặn đánh và gây thương tích nặng cho anh S. Những ai dưới đây vi phạm pháp luật hình sự?

- A. Bà H, V và Y. B. Vợ chồng ông N và chị Q. C. V và Y. D. Bà H, chị Q và V.

Câu 9: Quyền xác định lại giới tính thuộc quan hệ nào dưới đây?

- A. Hợp đồng. B. Tài sản. C. Sở hữu. D. Nhân thân.

Câu 10: Vi phạm kỉ luật là hành vi vi phạm pháp luật xâm phạm đến quan hệ lao động và

- A. quy tắc quản lý nhà nước. B. quan hệ nhân thân. C. quan hệ tài sản. D. công vụ nhà nước.

Câu 11: Biểu hiện nào dưới đây **không** đúng với nội dung của quyền bình đẳng trong kinh doanh?

- A. Kinh doanh mặt hàng không có trong giấy phép. B. Chủ động tìm kiếm khách hàng.
C. Nộp thuế theo đúng quy định của pháp luật. D. Chủ động mở rộng quy mô ngành nghề.

Câu 12: Ông M là chủ cửa hàng tạp hóa. Ngày 01/11/2020, em H (16 tuổi) đến mua bia cho bố. Ông M không bán bia cho H. Hành vi của ông M thuộc hình thức thực hiện pháp luật nào dưới đây?

- A. Sử dụng pháp luật. B. Thi hành pháp luật. C. Tuân thủ pháp luật. D. Áp dụng pháp luật.

Câu 13: Nghĩa vụ mà các cá nhân hoặc tổ chức phải gánh chịu hậu quả bất lợi từ hành vi vi phạm pháp luật của mình được gọi là

- A. trách nhiệm pháp lý. B. tuân thủ pháp luật. C. vi phạm pháp luật. D. thực hiện pháp luật.

Câu 14: Bình đẳng về nghĩa vụ trước pháp luật là mọi công dân đều phải

- A. viết bài đăng báo. B. học tập suốt đời. C. vận động bầu cử. D. lao động công ích.

Câu 15: Bác sĩ G là Giám đốc của Thẩm mỹ viện Z. Bác sĩ G tiến hành hút mỡ cho bệnh nhân K nhưng không đảm bảo

các yêu cầu về chuyên môn khiến bệnh nhân bị biến chứng dẫn đến tử vong. Bác sĩ G bị tuyên án năm năm tù và buộc phải bồi thường cho gia đình nạn nhân. Hành vi của bác sĩ G phải chịu trách nhiệm pháp lý nào dưới đây?

A. Hình sự và dân sự. B. Kỉ luật và hình sự. C. Hành chính và dân sự. D. Hành chính và kỉ luật.

Câu 16: H và K (17 tuổi) không đội mũ bảo hiểm, điều khiển xe gắn máy chạy trên đường. Vì không quan sát nên H tông bà N đang bán hoa quả dưới lòng đường khiến bà bị xây xát nhẹ. Đến hiện trường, thấy mẹ mình bị tai nạn, anh Q liền xông vào đánh H bị thương nặng. Chị U-vợ anh Q đập vỡ đèn xe của H và K. Những ai dưới đây phải chịu trách nhiệm hành chính?

A. H, chị U và anh Q. B. H, K và bà N. C. Bà N và anh Q. D. Anh Q và chị U.

Câu 17: Sử dụng pháp luật là các cá nhân, tổ chức sử dụng đúng đắn các quyền của mình, làm những gì mà pháp luật

A. quy định nên làm. B. quy định không được làm. C. quy định phải làm. D. cho phép làm.

Câu 18: Cán bộ, công chức nhà nước vi phạm kỉ luật **không** phải chịu trách nhiệm pháp lý nào dưới đây?

A. Hạ bậc lương. B. Khiển trách. C. Buộc thôi việc. D. Phạt tiền.

Câu 19: Mọi người đều có quyền lựa chọn việc làm mà không bị phân biệt đối xử là thể hiện nội dung nào dưới đây của quyền bình đẳng trong lao động?

A. Thực hiện quyền lao động. B. Giao kết hợp đồng lao động.

C. Bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ. D. Lựa chọn ngành nghề kinh doanh.

Câu 20: Pháp luật mang bản chất giai cấp sâu sắc vì pháp luật do nhà nước đại diện cho giai cấp nào dưới đây ban hành?

A. cầm quyền. B. vô sản. C. bị trị. D. tư sản.

Câu 21: Trong quá trình xây dựng pháp luật, nhà nước luôn cố gắng đưa những quy phạm nào dưới đây có tính phổ biến, phù hợp với sự phát triển và tiến bộ xã hội vào trong các quy phạm pháp luật?

A. Đạo đức. B. Tập quán. C. Xã hội. D. Tôn giáo.

Câu 22: Người sử dụng lao động **không** được sa thải hoặc chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ với lý do nào dưới đây?

A. Bỏ việc nhiều lần trong tháng mà không có lý do. B. Tiết lộ bí mật kinh doanh của công ty.

C. Nghi chế độ thai sản theo quy định của pháp luật. D. Có hành vi trộm cắp tài sản của công ty.

Câu 23: Người từ chối hoặc trốn tránh việc áp dụng biện pháp cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế của nhà nước có thẩm quyền sẽ bị phạt tiền từ hai triệu đồng đến năm triệu đồng. Việc xử phạt này thể hiện đặc trưng nào dưới đây của pháp luật?

A. Tính răn đe, giáo dục. B. Tính quy phạm phổ biến.
C. Tính quyền lực, bắt buộc chung. D. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức.

Câu 24: Từ năm 1999 đến nay, thương hiệu Highlands Coffee đã mở rộng từ 01 đến 300 cơ sở kinh doanh trên cả nước với sản phẩm chủ đạo là trà và cà phê. Việc mở ra nhiều cơ sở của Highlands Coffee thể hiện nội dung nào dưới đây của bình đẳng trong kinh doanh?

A. Cạnh tranh lành mạnh. B. Khuyến khích phát triển lâu dài.

C. Mở rộng quy mô kinh doanh. D. Tự chủ đăng ký kinh doanh.

Câu 25: Theo quy định của pháp luật, người có đủ năng lực trách nhiệm pháp lý vi phạm hình sự khi thực hiện hành vi nào dưới đây?

A. Không đeo khẩu trang nơi công cộng. B. Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

C. Xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu kinh doanh. D. Trộm cắp tài sản có giá trị năm triệu đồng.

Câu 26: Vợ chồng tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhau là thể hiện quyền đẳng giữa vợ và chồng trong quan hệ nào dưới đây?

A. Nhân thân. B. Tài sản. C. Dân tộc. D. Tôn giáo.

Câu 27: Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện vai trò của pháp luật đối với công dân?

A. Quy định bắt buộc thực hiện quyền. B. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp.

C. Quy định trình tự thực hiện quyền. D. Xác lập quyền của công dân.

Câu 28: Công ty TNHH Z chuyên sản xuất các sản phẩm hải sản xuất khẩu. Trước khi đi vào hoạt động, Công ty Z đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn. Việc làm của Công ty Z thuộc hình thức thực hiện pháp luật nào dưới đây?

A. Sử dụng pháp luật. B. Thi hành pháp luật. C. Tuân thủ pháp luật. D. Áp dụng pháp luật.

Câu 29: Hệ thống các quy tắc xử sự chung do nhà nước ban hành và được bảo đảm thực hiện bằng quyền lực nhà nước được gọi là

A. Nghi định. B. pháp luật. C. đạo đức. D. phong tục.

Câu 30: Chị H xin phép Giám đốc K nghỉ làm việc một tuần để chăm sóc con (8 tháng tuổi) bị ốm nhập viện. Trong thời gian chị H tạm nghỉ, Giám đốc K ban hành quyết định sa thải chị. Việc làm của Giám đốc K đã vi phạm quyền bình đẳng trong lao động ở nội dung nào dưới đây?

A. Tìm kiếm, lựa chọn việc làm. B. Lựa chọn lao động có trình độ chuyên môn.

C. Giao kết hợp đồng lao động. D. Lựa chọn sử dụng lao động.

----- HẾT -----

ĐỀ CHÍNH THỨC

Học sinh làm Phần trắc nghiệm bằng cách chọn và tô kín một ô tròn trên **Phiếu trả lời trắc nghiệm** tương ứng với phương án trả lời đúng của mỗi câu và làm Phần tự luận trên **giấy kiểm tra**.

Họ và tên học sinh: Lớp: Số
báo danh: Phòng số: Trường:

Mã đề: 832

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Câu 1: Công dân **không** thi hành pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Sản xuất hàng giả, hàng nhái. B. Bí mật che giấu tội phạm.
C. Trốn tránh nghĩa vụ quân sự. D. Hủy hoại tài sản quốc gia.

Câu 2: Vợ chồng cùng bàn bạc, quyết định lựa chọn và sử dụng biện pháp kế hoạch hóa gia đình phù hợp là thể hiện nội dung quyền bình đẳng trong quan hệ

- A. tài sản. B. nhân thân. C. nghề nghiệp. D. gia tộc.

Câu 3: Công dân dù ở địa vị nào, làm bất cứ nghề gì khi vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm

- A. khiếu nại. B. tố tụng. C. pháp lí. D. thanh tra.

Câu 4: Quá trình hoạt động có mục đích, làm cho những quy định của pháp luật đi vào cuộc sống, trở thành những hành vi hợp pháp của các cá nhân, tổ chức là nội dung của khái niệm

- A. áp dụng pháp luật. B. thực hiện pháp luật. C. ban hành pháp luật. D. tuyên truyền pháp luật.

Câu 5: Theo quy định của pháp luật, công dân vi phạm dân sự khi thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Sử dụng rượu, bia khi lái xe. B. Giao hàng sai địa điểm thỏa thuận.
C. Làm lộ bí mật quốc gia. D. Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Câu 6: Theo quy định của pháp luật, công dân tuân thủ pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Từ chối nhận tài sản thừa kế. B. Tổ chức mua bán nội tạng người.
C. Từ chối che giấu tội phạm bị truy nã. D. Đăng kí hiến tặng giác mạc.

Câu 7: Theo quy định của pháp luật, việc nhà nước có chính sách hỗ trợ, ưu đãi cho công dân vùng dân tộc thiểu số vay vốn để thực hiện dự án phục dựng các trò chơi dân gian của dân tộc mình là thể hiện nội dung quyền bình đẳng giữa các dân tộc ở phương diện

- A. văn hóa - xã hội. B. kinh tế - chính trị. C. văn hóa - giáo dục. D. kinh tế - văn hóa.

Câu 8: Các dân tộc sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam đều có quyền tham gia vào bộ máy nhà nước là thể hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc ở phương diện

- A. kinh tế. B. văn hóa. C. xã hội. D. chính trị.

Câu 9: Theo quy định của pháp luật, quyền bình đẳng giữa vợ và chồng trong quan hệ nhân thân được thể hiện ở việc vợ, chồng

- A. tôn trọng ý kiến của nhau. B. tự định đoạt tài sản chung.
C. quản lí tài chính cá nhân. D. cản trở tín ngưỡng, tôn giáo.

Câu 10: Một trong những nguyên tắc khi giao kết hợp đồng lao động là

- A. tự do. B. ủy quyền. C. công khai. D. gián tiếp.

Câu 11: Các cá nhân, tổ chức thực hiện đầy đủ những nghĩa vụ, chủ động làm những gì mà pháp luật quy định phải làm là hình thức thực hiện pháp luật nào sau đây?

- A. Thi hành pháp luật. B. Phổ biến pháp luật. C. Sử dụng pháp luật. D. Tuân thủ pháp luật.

Câu 12: Mọi loại hình doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau đều được bình đẳng trong việc khuyến khích phát triển lâu dài là nội dung bình đẳng trong lĩnh vực

- A. hành chính. B. lao động. C. chính trị. D. kinh doanh.

Câu 13: Theo quy định của pháp luật, việc cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cần thiết, kể cả cưỡng chế để buộc người vi phạm khắc phục hậu quả do việc làm trái pháp luật của họ gây nên là thể hiện đặc trưng nào sau đây của pháp luật?

- A. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức. B. Tính đặc thù, được bảo mật.
C. Tính quy phạm phổ biến. D. Tính quyền lực, bắt buộc chung.

Câu 14: Nghĩa vụ mà các cá nhân hoặc tổ chức phải gánh chịu hậu quả bất lợi từ hành vi vi phạm pháp luật của mình được gọi là trách nhiệm

- A. cá nhân. B. hòa giải. C. liên đới. D. pháp lí.

Câu 15: Bình đẳng về kinh tế giữa các dân tộc thể hiện ở việc nhà nước luôn quan tâm, đầu tư phát triển kinh tế đối với

- A. một số vùng miền núi. B. vùng kinh tế trọng điểm.
C. tất cả các vùng trên cả nước. D. một số vùng khó khăn.

Câu 16: Hợp đồng lao động là sự thỏa thuận về việc làm có trả công, điều kiện lao động, quyền và nghĩa vụ giữa người sử dụng lao động và

- A. người lao động. B. cơ quan dân cử. C. chính quyền sở tại. D. người đại diện.

Câu 17: Nội dung của văn bản do cơ quan cấp dưới ban hành không được trái với nội dung của văn bản do cơ quan cấp trên ban hành là thể hiện đặc trưng nào sau đây của pháp luật?

- A. Tính quy phạm phổ biến. B. Tính quyền lực, bắt buộc chung.
C. Tính bảo mật của văn bản. D. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức.

Câu 18: Bình đẳng trong kinh doanh được thể hiện thông qua việc các doanh nghiệp khi tiến hành hoạt động kinh doanh đều phải

- A. chia sẻ bí quyết kinh doanh. B. chủ động mở rộng thị trường.
C. tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường. D. nâng cao năng lực cạnh tranh.

Câu 19: Theo quy định của pháp luật, người có đủ năng lực trách nhiệm pháp lí có hành vi vi phạm pháp luật xâm phạm các quy tắc quản lí nhà nước phải

- A. chịu trách nhiệm hành chính. B. hủy bỏ mọi giao dịch.
C. chấm dứt quyền nhân thân. D. triệt tiêu nhu cầu cá nhân.

Câu 20: Công dân được đối xử bình đẳng tại nơi làm việc về tiền công và bảo hiểm xã hội là thể hiện nội dung quyền bình đẳng trong lao động giữa

- A. lao động nam và lao động nữ. B. nhà sản xuất và các đối tác.
C. người lao động và người đại diện. D. chủ đầu tư và người quản lí.

Câu 21: Người có đủ năng lực trách nhiệm pháp lí phải chịu trách nhiệm hành chính khi thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Tàng trữ trái phép vũ khí. B. Cố tình lây truyền HIV.
C. Gây rối trật tự nơi công cộng. D. Tổ chức lưu hành tiền giả.

Câu 22: Vi phạm dân sự là hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm tới các quan hệ nhân thân và quan hệ

- A. xã hội. B. cộng đồng. C. tài sản. D. công chúng.

Câu 23: Theo quy định của pháp luật, cán bộ, công chức, viên chức có hành vi xâm phạm quan hệ lao động và công vụ nhà nước là vi phạm

- A. truyền thống. B. đạo đức. C. phong tục. D. kỉ luật.

Câu 24: Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự chung do nhà nước ban hành và được

- A. lưu hành nội bộ. B. bảo đảm thực hiện. C. bảo đảm bí mật. D. bảo mật tuyệt đối.

Câu 25: Theo quy định của pháp luật, công dân có trình độ chuyên môn kĩ thuật cao được Nhà nước ưu đãi, tạo điều kiện để phát huy tài năng là thể hiện nội dung của quyền bình đẳng trong lĩnh vực

- A. kinh doanh. B. lao động. C. kinh tế. D. thương mại.

Câu 26: Nội dung nào sau đây thể hiện mọi công dân đều bình đẳng về nghĩa vụ trước Nhà nước và xã hội?

- A. Tham gia hoạt động tình nguyện. B. Tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân.
C. Được bảo đảm về an sinh xã hội. D. Tham gia kiến nghị với cơ quan nhà nước.

Câu 27: Theo quy định của pháp luật, quyền bình đẳng trong hôn nhân và gia đình **không** thể hiện ở việc vợ chồng cùng

- A. quyết định giới tính thai nhi. B. lựa chọn nơi cư trú.
C. sử dụng khối tài sản chung. D. tôn trọng quyền tự do tôn giáo.

Câu 28: Nhà nước căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết khiếu nại của công dân thể hiện pháp luật là phương tiện để công dân

- A. bảo vệ lợi ích tối đa. B. bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp.
C. đề cao lợi ích riêng tư. D. thực hiện quyền lực cá nhân.

II. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm) Câu 29: (2,0 điểm)

Trước khi kết hôn với anh M, chị H đã được thừa kế một ngôi nhà riêng từ bố mẹ. Chị H muốn bán ngôi nhà này để có kinh phí đi nghiên cứu sinh ở nước ngoài nhưng anh M không đồng ý. Chị H vẫn quyết định bán ngôi nhà mà không cần sự đồng ý của chồng. Biết chuyện, anh M yêu cầu vợ phải chia cho mình một phần số tiền bán nhà nhưng chị H không đồng ý. Tức giận, anh M đã chửi mắng và đuổi chị H ra khỏi nhà.

a) Hành vi của anh M đã vi phạm quyền bình đẳng giữa vợ và chồng trong quan hệ nào? Hãy chỉ rõ hành vi vi phạm của anh M?

b) Theo anh/chị, chị H có quyền bán ngôi nhà đã được thừa kế từ bố mẹ không? Vì sao?

Câu 30: (1,0 điểm) T và Q cùng đăng kí xét tuyển vào Trường Đại học Kinh tế Z. Vì T là người dân tộc thiểu số, có hộ khẩu thường trú tại Khu vực 1 nên được cộng điểm ưu tiên. Còn Q có hộ khẩu thường trú ở Khu vực 3 nên không được cộng điểm.

Việc T được cộng điểm ưu tiên khi xét tuyển có trái với nội dung của quyền bình đẳng giữa các dân tộc không? Vì sao?

